

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 182, Chúa Nhật 21.10.2012

MỤC LỤC

Hệ Thống Phải Theo
Vatican 2

KINH NĂM ĐỨC TIN HĐGMVN (nguồn
WHĐ)

LÀM SAO ĐỂ CÓ SỰ SỐNG VĨNH CỬU Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh,
MD.

ĐỨC KITÔ-LỜI, LÀ NGƯỜI GIEO VÀ LÀ HẠT GIỐNG Chuyển ngữ: Thérèse Trần Thiết +
Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist

"BIỆT LY, NHỚ NHUNG TỪ ĐÂY..." Lm. Vĩnh Sang,
DCCT

NĂM ĐỨC TIN: TRÁCH NHIỆM NGÔN SÚ CỦA NGƯỜI TÔNG ĐỒ VÀ CỦA NGƯỜI TÍN
HỮU GIÁO DÂN Lm. PX. Ngô
Tôn Huân

ÁO KHIÊM TỐN Br.
Huynhquảng

NHỮNG VÌ SAO TRONG GIA ĐÌNH Lm Lê Văn Quảng
Psy.D.

Thịnh lặng Lm. Minh Anh
chuyển ngữ

VƯỢT LÊN KHỦNG HOẢNG VÀ TÁI ĐỊNH HƯỚNG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ ƠN GỌI LINH
MỤC Lm. Micae Phaolô Trần Minh Huy, pss.

LÒNG NHÂN ÁI CỦA THẦY THUỐC NGUYỄN Ý ĐỨC Nhà Văn Du
Tử Lê

Giáo hội công giáo và nhân quyền (tiếp theo) Gs. Nguyễn
Đăng Trúc

Hệ Thống Phải Theo

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Sắc Lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân

Apostolicam Actuositatem

Chương V

Hệ Thống Phái Theo 11*

23. Nhập đề. Việc tông đồ của giáo dân, cá nhân hay tập thể, phải được đặt vào đúng chỗ trong công cuộc tông đồ của toàn thể Giáo Hội. Hơn nữa, điều cốt yếu của việc tông đồ Kitô giáo là liên kết với những người đã được Chúa Thánh Thần đặt lên cai trị Giáo Hội Chúa (x. CvĐ 20,28). Và lại, việc cộng tác giữa các tổ chức tông đồ khác nhau cũng cần thiết và phải được Hàng Giáo Phẩm điều hành thích đáng.

Vì muốn cổ vũ tinh thần hiệp nhất để bác ái huynh đệ nổi bật lên trong mọi hoạt động tông đồ của Giáo Hội, để đạt được những mục đích chung cũng như để tránh những cạnh tranh nguy hại, cần phải có sự tôn trọng lẫn nhau và sự phối hợp thích đáng giữa các tổ chức tông đồ trong Giáo Hội, miễn là đặc tính riêng của mỗi tổ chức vẫn được duy trì ¹.

Điều đó rất thích hợp mỗi khi có công tác đặc biệt nào trong Giáo Hội đòi phải có sự hòa hợp và cộng tác vào việc tông đồ giữa hai hàng giáo sĩ dòng triều, giữa tu sĩ và giáo dân.

24. Liên lạc với hàng Giáo phẩm. Bốn phận của Hàng Giáo Phẩm là phải hỗ trợ cho hoạt động tông đồ của giáo dân: đề ra những nguyên tắc và giúp các phương tiện thiêng liêng. Phải phối hợp việc tông đồ của họ để sinh ích chung cho cả Giáo Hội. Hàng Giáo Phẩm cũng phải lo cho giáo thuyết và những chỉ thị của Giáo Hội được tuân hành.

Có nhiều thể thức liên lạc giữa việc tông đồ giáo dân với Hàng Giáo Phẩm tùy theo hình thức và mục tiêu của mỗi hoạt động tông đồ.

Trong Giáo Hội quả thực có nhiều công cuộc tông đồ do giáo dân có sáng kiến thành lập và khôn khéo điều hành. Nhờ những tổ chức tông đồ như thế, trong nhiều hoàn cảnh, Giáo Hội có thể chu toàn sứ mệnh của mình cách tốt đẹp, và do đó Hàng Giáo Phẩm thường ca ngợi và cổ vũ các tổ chức đó ². Nhưng không một sáng kiến nào được lấy danh nghĩa công giáo nếu không có sự ưng thuận của giáo quyền hợp pháp.

Có một số tổ chức tông đồ giáo dân, dưới hình thức này hay hình thức khác, đã được giáo quyền công khai chấp nhận.

Ngoài ra vì nhu cầu ích chung của Giáo Hội, giáo quyền có thể lựa chọn và cổ vũ cách đặc biệt một vài tổ chức trong số những tổ chức hay hiệp hội tông đồ có sẵn, trực tiếp nhằm mục đích thiêng liêng và giáo quyền cũng nhận trách nhiệm đối với những tổ chức đó. Như thế, khi tổ chức công việc tông đồ tùy theo cách thức khác cho hợp với hoàn cảnh, Hàng Giáo Phẩm liên kết chặt chẽ hơn một hình thức tông đồ giáo dân nào đó với phận vụ tông đồ của mình, tuy nhiên vẫn giữ nguyên vẹn bản chất và sự khác biệt giữa hai bên. Giáo dân do đây vẫn còn khả năng cần thiết để được tự do hành động theo sáng kiến riêng của họ. Trong nhiều văn kiện của Giáo Hội hành động trên đây của Hàng Giáo Phẩm được gọi là ủy nhiệm.

Sau hết, Hàng Giáo Phẩm còn trao phó cho giáo dân một vài phận vụ liên quan mật thiết hơn với nhiệm vụ của chủ chăn như việc dạy giáo lý, thi hành một vài động tác phụng vụ, hay việc chăm sóc các linh hồn. Chính do việc ủy nhiệm này, người giáo dân, khi thi hành nhiệm vụ, phải hoàn toàn tuân phục sự điều khiển của cấp trên trong Giáo Hội.

Về những vấn đề liên hệ tới những công cuộc và những định chế thuộc lãnh vực trần thế, Hàng Giáo Phẩm có nhiệm vụ phải chính thức giảng dạy và giải thích những nguyên tắc luân lý phải theo trong địa hạt này. Một khi đã cân nhắc kỹ lưỡng và bàn hỏi với các nhà chuyên môn, Hàng Giáo Phẩm có quyền thẩm định công cuộc này hay định chế kia là phù hợp hay không phù hợp với các nguyên tắc luân lý và phán quyết những gì phải làm để bảo vệ và cổ vũ những lợi ích thuộc lãnh vực siêu nhiên.

25. Hàng giáo sĩ phải giúp đỡ việc tông đồ giáo dân. Các Giám Mục, các cha sở, các linh mục dòng triều phải nhớ rằng quyền và bốn phận làm tông đồ là chung cho tất cả mọi

tín hữu không phân biệt giáo sĩ hay giáo dân, và trong việc xây dựng Giáo Hội, giáo dân cũng có phần riêng của họ ³. Vì thế các ngài phải cùng với giáo dân làm việc trong Giáo Hội và cho Giáo Hội với tình huynh đệ, cũng như phải đặc biệt để tâm lo cho giáo dân trong khi họ làm việc tông đồ ⁴.

Các linh mục được đề cử giúp đỡ các tổ chức tông đồ đặc biệt của giáo dân phải là người có khả năng và được huấn luyện đầy đủ ⁵. Các linh mục này, vì nhận trách nhiệm do Hàng Giáo Phẩm, nên trong lúc hoạt động, các ngài là đại diện của Hàng Giáo Phẩm trong chính hoạt động mục vụ của mình. Luôn luôn trung thành với tinh thần và giáo lý của Giáo Hội, các ngài phải làm cho giữa giáo dân và Hàng Giáo Phẩm có những liên lạc thích đáng. Các ngài phải ra sức nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng và tinh thần tông đồ nơi các đoàn thể công giáo đã được trao phó cho các ngài. Các ngài phải hiện diện trong hoạt động tông đồ của các đoàn thể đó bằng ý kiến khôn ngoan và cổ vũ những sáng kiến của chúng. Qua những tiếp xúc thường xuyên với giáo dân, các ngài phải chú tâm tìm kiếm xem những hình thức nào đem lại kết quả hơn cho hoạt động tông đồ. Các ngài phải cổ vũ tinh thần hiệp nhất ngay trong đoàn thể mình phụ trách cũng như giữa đoàn thể này với các đoàn thể bạn.

Sau hết, các tu sĩ nam nữ phải quý trọng các hoạt động tông đồ của giáo dân. Theo tinh thần và nội qui của mỗi dòng tu, họ cũng nên sẵn sàng giúp phát triển các hoạt động tông đồ giáo dân ⁶. Họ còn phải ân cần nâng đỡ, trợ lực và bổ túc các công việc của linh mục.

26. *Vài hình thức cộng tác.* Trong mỗi giáo phận, phải hết sức liệu sao cho có những hội đồng cố vấn gồm các giáo sĩ, tu sĩ cùng cộng tác thích hợp với giáo dân để giúp cho hoạt động tông đồ của Giáo Hội hoặc trong việc rao truyền Phúc Âm và thánh hóa, hoặc trong các công cuộc từ thiện bác ái, xã hội hay các hoạt động khác. Những hội đồng cố vấn này có thể giúp phối hợp hoạt động của các hội đoàn cũng như của các công cuộc tông đồ của giáo dân đang khi vẫn tôn trọng bản chất riêng và quyền tự trị của mỗi hội đoàn ⁷.

Nếu có thể, cũng nên thiết lập những hội đồng cố vấn như thế ở cấp độ giáo xứ, liên giáo xứ, liên giáo phận và ngay cả trên bình diện quốc gia hay quốc tế ⁸.

Hơn nữa, phải thiết lập bên cạnh Tòa Thánh một văn phòng đặc trách hỗ trợ và cổ vũ hoạt động tông đồ giáo dân ^{12*}. Văn phòng này được coi như Trung Ương có đủ phương tiện thích ứng để thông báo những tin tức về những sáng kiến tông đồ của giáo dân, đồng thời nghiên cứu những vấn đề thời đại trong địa hạt này hầu giúp ý kiến cho Hàng Giáo Phẩm và cho chính các giáo dân đang dẫn thân trong hoạt động tông đồ. Các phong trào và các tổ chức tông đồ giáo dân hiện có khắp thế giới phải được coi như những thành phần của văn phòng này, trong đó có cả giáo sĩ, tu sĩ cùng cộng tác với giáo dân.

27. *Cộng tác với anh em Kitô giáo và ngoài Kitô giáo.* Vì cùng chung một gia sản là Phúc Âm và do đó cùng chung một bốn phận là làm chứng cho Chúa Kitô, người công giáo nên và thường phải cộng tác với các Kitô hữu khác, hoặc cá nhân với cá nhân, hoặc giữa các cộng đoàn Giáo Hội trong các hoạt động cũng như trong các hội đoàn trên bình diện quốc gia hay quốc tế ⁹.

Vì cùng chung những giá trị nhân bản, nên người Kitô hữu đang theo đuổi mục đích tông đồ cũng thường phải cộng tác với những người tuy không theo Kitô giáo ^{13*}, nhưng cũng nhìn nhận những giá trị nhân bản đó.

Nhờ sự cộng tác năng động và khôn ngoan này ¹⁰, sự cộng tác có tầm quan trọng đặc biệt trong các hoạt động thuộc lãnh vực trần thế, người giáo dân làm chứng cho Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc thế giới và làm chứng cho tình đoàn kết đại đồng của cả gia đình nhân loại.

Chú Thích:

11* Sắc Lệnh đã nói tới nền tảng của nhân vị và cá nhân trong hoạt động tông đồ giáo dân, tới bản tính cộng đoàn và xã hội của Kitô hữu, tới óc sáng kiến và tinh thần tùng phục, tới việc tông đồ cá nhân và có tổ chức. Giờ đây Công Đồng đưa ra một vài tiêu chuẩn để cho các khía cạnh tông đồ này, dầu bề ngoài có vẻ đối nghịch nhau, vẫn hòa hợp với nhau, dựa theo sự khôn ngoan cao đẹp và thánh thiện. Sắc Lệnh xác định rằng Giáo Hội không thể chấp nhận chủ nghĩa duy giáo sĩ hay duy giáo dân; hoặc duy pháp lý hay tình trạng vô trật tự. Tự

do của con người và sáng kiến cá nhân phải hòa hợp nhau trong việc tìm kiếm công ích. Quyền bính là để phục vụ nhưng phục vụ qua việc điều khiển hướng dẫn. Vấn nạn trung ương tập quyền hay phân quyền giải quyết được nhờ sự kiện hàng Giáo Phẩm và giáo dân cùng theo đuổi một mục đích nhưng có chức vụ khác nhau với quyền lợi và bổn phận khác nhau.

Cũng thế, tinh thần đoàn thể không có nghĩa là tình trạng lộn xộn hay vô trật tự, nhưng là hành động có tổ chức nhằm tới ích chung. Về phía hàng Giáo Phẩm, các ngài nên có khuynh hướng tôn trọng sáng kiến giáo dân, nhất là trong những lãnh vực chuyên biệt của họ, làm sao cho tất cả mọi người đều tha thiết và lo lắng cho thành quả của việc tông đồ trong tinh thần hiệp thông và phục vụ. Đây là những tiêu chuẩn hướng dẫn việc tông đồ giáo dân:

- Tông đồ giáo dân, cá nhân hay có tổ chức phải ăn nhập với hoạt động tông đồ của toàn thể Giáo Hội, để cho sự hiệp nhất với các mục tử trong Giáo Hội trở thành điều kiện cần thiết cho mọi hoạt động tông đồ.

- Sự cộng tác giữa các tổ chức khác nhau là điều cần thiết và cần được hàng Giáo Phẩm hướng dẫn.

- Sự kính trọng lẫn nhau và sự phân phối xứng hợp trở nên như những điều kiện cấp bách cho việc cổ võ tinh thần hiệp nhất và bác ái huynh đệ. Công Đồng nhấn nhủ tín hữu cần tránh mọi tinh thần tranh đua bất chính giữa các hội đoàn. Điều kiện này theo Sắc Lệnh, còn cần thiết hơn nếu có những tổ chức tông đồ giữa các linh mục triều và dòng, tu sĩ và giáo dân.

1 Xem Piô XI, *Tđ Quamvis Nostra*, 30-4-1936: AAS 28 (1936), trg 160-161.

2 Xem S.C. Concilii, *Resolutio Corrienten*, 13-11-1920: AAS 13 (1921), trg 137-140.

3 Xem Piô XII, *Huấn từ ad II Conventum ex Omnibus Gentibus Laicorum apostilatui provehendo*, 5-10-1957: AAS 49 (1957), trg 927.

4 Xem CĐ vat. II, *Hiến Chế tín lý về Giáo Hội*, số 37: AAS 57 (1965), trg 42-43.

5 Xem Piô XII, *Tông huấn Menti Nostrae*, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 660.

6 Xem CĐ Vat. II, *Sắc Lệnh về Canh tân thích nghi đời sống dòng tu*, số 8.

7 Xem Benedictô XIV, *De Synodo Diocesana* c. I, III, ch. IX, số VII-VIII: *Opera omnia in tomos XVII distributa*, bộ XI (Prati 1844), trg 76-77.

8 Xem Piô XI, *Tđ Quamvis nostra*, 30-4-1936: AAS 28 (1936), trg 160-161.

12* Do tự sắc "Catholicam Christi Ecclesiam" ngày 6 tháng Giêng năm 1967, Đức Phaolô VI chính thức thiết lập Hội Đồng Giáo Dân và Ủy Ban Giáo Hoàng về Công Lý và Hòa Bình.

Đây là một thực hiện cụ thể đối với những điều Công Đồng đã trình bày ở số 26 của Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân và ở số 90 trong Hiến Chế về Giáo Hội trong thế giới ngày nay.

9 Xem Gioan XXIII, *Tđ Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 456-457. - Xem CĐ Vat. II, *Sắc lệnh về Hiệp Nhất*, số 12: AAS 57 (1965), trg 99-100.

13* Điều mà Công Đồng thiết tha mong muốn là người giáo dân không nên sống riêng rẽ và khép kín với những người không cùng một đức tin như mình. Công Đồng kêu gọi sự cộng tác "năng động" và "khôn ngoan" của chúng ta với mọi người thiện chí để cùng nhau thăng tiến và cổ võ những gì chân thật, công bằng, thánh thiện và đáng yêu quý (x. Ph 4,8; TĐ 14); và hãy luôn lưu tâm đến "những gì hiệp nhất hơn là chia rẽ".

10 Xem CĐ Vat. II, *Sắc lệnh về Hiệp Nhất*, số 12: AAS 57 (1965), trg 100; x. thêm *Hiến Chế tín lý về Giáo Hội*, số 5: AAS 57 (1965), trg 19-20.

(đã được HĐGMVN chuẩn nhận)

Lạy Chúa là Cha chí thánh, là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu,/
chúng con cảm tạ Chúa đã ban cho chúng con ơn đức tin,/
nhờ đó chúng con được nhận biết và thực hành những điều Chúa dạy, /
hầu đem lại cho chúng con hạnh phúc đời này và đời sau.
Lạy Chúa Giêsu Kitô, Chúa là đường, là sự thật và là sự sống./
Ai tin Chúa sẽ tìm thấy đường đi, tìm ra chân lý và tìm được sự sống./
Chúng con cảm tạ Chúa đã đến rao giảng Tin Mừng,/
dạy chúng con những điều phải tin, những việc phải làm, /
để được sống và sống dồi dào./
Xin nâng đỡ đức tin yếu kém của chúng con,/
để chúng con luôn biết tin thác vào tình thương của Chúa, /
sẵn sàng dấn thân loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo, theo lệnh Chúa truyền.
Lạy Chúa Thánh Thần là Đấng hướng dẫn mọi loài,/
xin khơi lại cho chúng con những điều chúng con phải tin,/
những việc phải làm /
để đức tin của chúng con mỗi ngày thêm sâu sắc và trưởng thành hơn./
Xin ban cho chúng con biết can đảm tuyên xưng đức tin trước mặt mọi người,/
biết ý thức cử hành đức tin trong các nghi lễ phụng vụ,/
thực hành đức tin trong cuộc sống hằng ngày, /
để có thể thông truyền đức tin đó lại cho con cháu,/
và tất cả mọi người, đặc biệt là những người chưa nhận biết Chúa.
Lạy Mẹ Maria, Mẹ được chúc phúc vì đã tin./
Xin giúp chúng con luôn tin những lời Chúa dạy và Hội Thánh truyền,/
biết phó thác mọi sự cho tình yêu quan phòng của Chúa,/
biết quan tâm đến nhu cầu của mọi người anh chị em chung quanh chúng con, /

nhờ đó họ sẽ được nhận biết Chúa, /

để chính họ cũng nhận được ơn đức tin đem lại sự sống đời đời.

Lạy Thánh Cả Giuse, các Thánh Tử đạo Việt Nam cùng toàn thể các Thánh, /

các ngài là những gương mẫu sống động về đức tin cho chúng con. /

Xin giúp chúng con biết sống /

và thực hành đức tin của chúng con trong cuộc sống hằng ngày, /

nhất là trong Năm Đức Tin này.

Chúc tụng Thiên Chúa vinh hiển muôn đời. /

Amen!

HĐGMVN (nguồn WHĐ)

VỀ MỤC LỤC

LÀM SAO ĐỂ CÓ SỰ SỐNG VĨNH CỬU

Chúa Nhật XXVIII Thường Niên B

(Wisdom 7: 7-11; Hebrews 4: 12-13; Mark 10: 17-30 / 10: 17-27)

Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh

"Đức Giêsu vừa lên đường, thì có một người chạy đến quì xuống trước mặt Ngài và hỏi: 'Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?'. Đức Giêsu đáp: 'Sao anh nói tôi là nhân lành? Không có ai là nhân lành cả, trừ một mình Thiên Chúa. Hẳn anh biết các điều răn: Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thờ kính cha mẹ'. Anh ta nói: 'Thưa Thầy, tất cả những điều đó tôi đã tuân giữ từ thuở nhỏ'. Đức Giêsu đưa mắt nhìn anh ta và đem long trữu mến. Ngài bảo anh ta: 'Anh chỉ thiếu có một điều là hãy đi bán những gì anh có mà đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đi theo tôi'. Anh ta sa sầm nét mặt vì lời đó, và buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải.....". (Mc 10: 17-30)

CÂU CHUYỆN ƠN GỌI

Câu chuyện một người đến gặp Chúa Giêsu để hỏi về sự sống đời đời đúng ra là một câu chuyện về ơn gọi (Mc.10:17-30). Đây là câu chuyện duy nhất trong Tin Mừng thánh Mác Cô nói về một người được Chúa gọi nhưng đã đáp lại lời Chúa không phải bằng hành động bước theo Chúa mà lại đi xa lìa Chúa.

Câu chuyện này được kể lại cả trong Ba Tin Mừng Nhất Lãm. Thánh Mathêu (Mt 19:16-22) cho biết người đó là một thanh niên. Thánh Lu Ca (Lc 18: 18-23) cho biết người đó là một lãnh tụ. Cả ba thánh sử đều đồng ý người đó giàu có, nhưng chỉ riêng thánh Mác cô mới nêu rõ cái ưu tư của người đó "...tôi phải làm gì để có được đời sống vĩnh cửu làm gia nghiệp!".

Ý NGHĨA CỦA ƠN GỌI / ĐỜI SỐNG VĨNH CỬU

Chúng ta thử phân tích đoạn Tin Mừng này của thánh Mac Cô (Mc 10: 17-30). Trước tiên Chúa Giêsu cắt nghĩa chữ '*Nhân Lành*' chỉ để dùng riêng cho Thiên Chúa là nguồn mạch mọi sự tốt lành và chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể ban cho chúng ta đời sống vĩnh cửu.

Phải chăng những đòi hỏi mà Chúa muốn chúng ta phải có để được thừa hưởng đời sống vĩnh cửu chính là những hướng dẫn mà Chúa đã chỉ cho người thanh niên giàu có? Chúa Giêsu có thực sự không đòi hỏi các môn đệ khác của ngài phải bán tài sản của họ đi không (1Timothy 6: 11-19)? Ông Phêrô đã không có thể giữ lại cái nhà và chiếc ghe của ông trong một thời gian ngắn phải không? (Mc 1: 29; Ga 21:3). Phải chăng những người phụ nữ ở Galile đã đi theo để giúp đỡ Chúa Giêsu cũng không thể trở lại nhà để lấy vàng bạc và đồ trang sức cá nhân của mình như ông Giuse thành Arimathea đã làm hay sao? (Mc 15:41,43)

Hình như trong trường hợp người thanh niên giàu có này, chúa Giêsu đã đưa ra lời mời gọi rất cá biệt với những lý do cũng rất đặc biệt. Tại sao người thanh niên này lại cảm thấy lời Chúa yêu cầu quá khó khăn không thể làm được? Bởi vì anh ta có nhiều của cải vật chất. Khi thấy người thanh niên buồn rầu bỏ đi thì Chúa nói "*Người giàu khó có thể vào được nước Thiên Chúa !*" (c.23)

Có điều khác biệt là trong Cựu Ước, sự giàu sang và của cải vật chất dư thừa lại được coi là dấu chỉ ân huệ Chúa ban (Job 1: 10; Tv 128: 1-2; Isaiah 3: 10). Những người Do Thái mộ đạo cũng tin rằng giàu sang phú quý là dấu hiệu Chúa chúc lành và những người giàu có là những người được Chúa chúc phúc, trái với những kẻ nghèo khó là những kẻ coi như bị Chúa chúc dữ.

QUYỀN LỰC CỦA VẬT CHẤT TƯ HỮU

Những lời Chúa Giêsu nói với người thanh niên (Mc 10: 23) đã làm cho các môn đệ ngỡ ngàng, vì nó trái ngược với quan niệm trong Cựu Ước (Mc 10: 24-26). Bởi lẽ giàu sang, quyền lực và công trạng chỉ cho chúng ta sự an toàn phù phiếm, có thể nay còn mai mất, thành thử Chúa Giêsu đã bác bỏ chúng hoàn toàn mà tuyên bố nếu ai ôm cứng lấy những thứ phù du đó thì không thể vào được nước trời. Sự chọn lựa tiêu cực của người thanh niên, bỏ Chúa bước đi nói lên cái thực tế ở đời. Nó cho thấy của cải, tiền bạc, danh vọng cũng làm cản trở việc lãnh đạo của các mục tử trong việc điều hành Giáo Hội, giáo phận và giáo xứ cũng như công việc truyền giáo. Chúa Giêsu dùng hình ảnh người thanh niên buồn rầu bỏ đi để cho các môn đệ một bài học về sự nguy hiểm và tác hại của tiền bạc, uy quyền và danh vọng. Tách rời khỏi hẳn những sở vật đó là những đòi hỏi cần phải có để là môn đệ thực sự của Chúa, bởi vì những quyến rũ đó sẽ bó chặt tâm trí chúng ta với thế gian, khiến lòng trí chúng ta luôn luôn gắn bó với nó và chỉ nghĩ tới những con số của giá cả hơn là cái giá trị thực.

Chúa Giêsu đã đảo ngược lại hoàn toàn những gì mà các môn đệ và những người Do Thái tốt lành đã được dạy bảo. Nhưng đối với họ, lời dạy của Chúa về sự giàu sang phú quý thì quả là khó hiểu. Khi Chúa nói "*Khó khăn biết bao cho những kẻ nhiều tiền lắm của vào được Nước Thiên Chúa!*", lúc đó Phúc Âm kể lại là "Các môn đệ rất đỗi ngạc nhiên, sững sốt và nói với nhau, '*vậy thì ai có thể được cứu rỗi?*'" (c. 23, 26).

Bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể đặt một câu hỏi tương tự như vậy. Chúa Giêsu đã nhắc nhở các ông rằng sự cứu rỗi thì hoàn toàn là một tặng phẩm Chúa ban. Ân sủng chính là một quà tặng của Chúa và chỉ có những ai mà bàn tay họ trống rỗng, chẳng vướng bận gì là của riêng mình thì mới có thể thoả mái đưa ra để đón nhận ân sủng đó. Việc hoàn thành ơn cứu rỗi thì vượt quá khả năng của con người và hoàn toàn phụ thuộc vào lòng tốt và khoan dung của Thiên Chúa là đấng ban phát ơn tặng ấy (Mc 10: 27).

SỰ MÂU THUẤN CỦA KITO GIÁO

Nơi nhiều xã hội, sự giàu sang được coi là dấu chỉ Chúa thương , và nghèo khó khổ lại là biểu hiệu Chúa ghét bỏ. Mọi Kitô hữu đều được khuyến khích tuân theo giáo huấn của chúa Giêsu, nhưng giá trị của xã hội lại ở chỗ giàu sang, có nhiều của cải vật chất như có nhà cao cửa rộng, xe Mercedes, BMW hai ba chiếc, trong băng có bạc triệu, đầu tư nhiều nơi,

lại có chức quyền cao sang được mọi người kính trọng...

Khi mà hệ thống tư bản hoàn toàn do thị trường lèo lái, duy vật chất mà không có trái tim, không còn tấm lòng và tình thương yêu thì nó sẽ đi ngược lại với giáo huấn của Chúa Giêsu nói trong Tin Mừng. Phúc Âm Chúa Giêsu khuyến khích nên có *"sự giàu sang phú quý của Tin Mừng"*. Chúa không chống lại sự giàu sang vật chất, nhưng ngài kết án những kẻ bị của cải vật chất, tiền bạc, danh vọng lôi kéo trở thành nô lệ. Trái lại, nó sẽ trở thành ơn phúc khi nó được đem chia sẻ với mọi người, và không trở thành nô lệ hoặc nhà tù giam hãm những kẻ thiếu khôn ngoan không biết đem nó chia bớt cho những người cần thiết và kẻ nghèo khó khốn khổ.

Khi Chúa Giêsu nhìn vào chàng thanh niên giàu có thì ngài cũng nhìn vào mỗi người chúng ta với lòng triu mến. Chúa nhắc nhở chúng ta phải làm *"một điều nữa"* là chúng ta cần phải để cho cái nhìn triu mến ấy của Chúa thẩm nhập vào tâm can chúng ta để không giống như chàng thanh niên giàu có kia, chúng ta mở rộng lòng ra để đón nhận lời Chúa hầu biến đổi cuộc sống chúng ta, phá bỏ những giá trị trần thế và sắp đặt lại những ưu tiên cho cuộc sống tâm linh của chúng ta.

Khi nghe Chúa đưa ra những đòi hỏi như vượt quá sức con người, rất nhiều môn đệ đã bỏ ngài. Chúa đã hỏi những môn đệ còn lại: *"Các anh cũng tính ra đi hay sao?"*

Phêrô trả lời: *"Lạy Chúa, chúng con sẽ đi theo ai? **Chúa chính là Lời Hằng Sống**"* (Ga 6: 67-68)

Và họ đã chọn ở lại với Chúa. Họ ở lại bởi vì Thầy của họ đã có *"Những Lời Hằng Sống"*, là những lời hứa hẹn một sự vĩnh cửu, đã cho họ đầy đủ ý nghĩa để sống bây giờ và mãi mãi.

KHÔN NGOAN VÀ HẠNH PHÚC

Vua Solomon là người đúng nghĩa của khôn ngoan như đã diễn tả trong bài đọc I (Wisdom 7: 7-11) đã nhận thức được rằng chỉ có sự khôn ngoan thực mới có thể mang lại hạnh phúc. Ông cầu nguyện để xin Chúa ban sự khôn ngoan và chỉ xin khôn ngoan mà thôi. Ông không xin quyền lực, giàu sang phú quý hay sức khỏe..., nhưng Chúa đã ban cho ông tất cả mọi sự.

Đối với chúng ta, khôn ngoan đã trở thành người và tên người đó là Giêsu. Khôn ngoan đã sinh ra trong máng cỏ và chết trên thập giá. Ở giữa hai điểm đó, chúng ta chỉ có một cơ hội duy nhất lấp cho đầy để nối hai điểm lại nếu chúng ta biết theo Chúa và sống cuộc sống tình yêu vô vị lợi.

Khi nhìn lên Chúa Giêsu, chúng ta nhận ra được thế nào là ý nghĩa của nghèo khó mà tâm hồn lại hiền dịu và quảng đại, ý nghĩa của than khóc, của nỗi ưu tư chỉ lo chăm sóc cái gì cần phải chăm sóc, hiểu được thế nào là tâm hồn trong sáng biết sống hài hòa với mọi người và ý nghĩa của đau buồn khi bị truy nã đầy dọ. Vì thế Chúa hẳn có lý khi nói với mỗi người chúng ta là: *"Hãy đến và theo Ta!"*.

Chúa không đơn giản nói rằng: *"Hãy làm những điều Ta nói"*. Nhưng Chúa nói: *"Hãy đến và theo Ta!"*.

Sau cùng, Chúa Giêsu nhìn thẳng vào mỗi người chúng ta với ánh mắt triu mến và nhắc nhở chúng ta là cuộc sống phải đầy đủ và trọn vẹn, không phải là cố đắp cho đầy của cải vật chất, tiền bạc, danh vọng và quyền uy lẫy lừng, nhưng cũng phải biết để cho mọi sự nó qua đi.

Lúc khởi đầu, sự mời gọi của Chúa khiến chúng ta ngạc nhiên, khó chịu, bị chạm và gây buồn phiền. Nhưng rồi với ơn Chúa, chúng ta nhận thức ra được Lời Chúa là lời hằng sống và có hiệu lực, sắc nhọn hơn bất cứ lưỡi kiếm thần kỳ nào khác, có thể đâm thấu tim gan chúng ta đến cả xương tủy và có khả năng phân biệt giữa suy tư và tư tưởng còn ẩn kín trong tâm (Hebrews 4: 12-13). Hy vọng rằng chúng ta sẽ không bỏ Chúa ra đi mà lòng buồn nặng trĩu.

ĐÔI LỜI KẾT: ÁP DỤNG TRONG CUỘC SỐNG THƯỜNG NHẬT

Tiếp theo bài Tin Mừng hôm nay của thánh Mac cô, chúng ta cùng nhau suy gẫm và thực thi ba lời giáo huấn quan trọng của truyền thống Công Giáo được nói tới trong Sách Giáo Lý Công Giáo và tông thư *Bác Ái Trong Sự Thật/Caritas in Veritate* của Đức Thánh Cha Biển Đức XVI.

1. Sách Giáo Lý dạy (câu 2404-2405): *Khi sử dụng những tài sản mình sở đắc cách hợp pháp, con người không được coi đó như chỉ thuộc riêng về mình, mà còn phải coi đó như những tài sản chung, theo nghĩa những tài sản đó không những mang lợi ích cho mình mà còn cho người khác nữa. Quyền tư hữu làm cho người sở hữu tài sản trở thành người quản lý của Chúa quan phòng, lo sinh hoa lợi với tài sản của mình và thông ban phúc lợi cho tha nhân, trước hết là thân nhân của mình.*

Những tài sản sản xuất, vật chất hoặc tinh thần, như đất đai và nhà máy cơ sở, các sở trường và tài nghệ buộc những người sở hữu phải làm sao để hoa trái của các tài sản đó sinh lợi ích cho nhiều người. Những người sở hữu các tài sản tiêu thụ và sử dụng cũng phải sử dụng chúng một cách tiết độ, dành một phần tốt cho lũ khách, cho bệnh nhân và cho người nghèo.

2. Sự thật thứ hai là...sự phát triển con người toàn diện về mọi chiều kích. Không có một viễn kiến về đời sống vĩnh cửu thì sự tiến triển của con người trong thế giới này không có chỗ để thở. Đóng khung trong lịch sử, nó sẽ liều lĩnh chỉ cố làm sao cho có thật nhiều của cải, phần vinh; nhân loại do đó không còn can đảm để phục vụ tài sản cao cấp hơn, phục vụ những sáng kiến to lớn và vô vị lợi được gọi là Đức Bác Ái Phổ Quát.

"Con người không thể phát triển do chính tài năng của mình, cũng như sự phát triển đó không thể đơn thuần trao về lại cho họ. Theo trào lưu lịch sử, thường thì những cơ chế/ tổ chức trong xã, hội quốc gia đã đủ để bảo đảm cho quyền phát triển của con người được hoàn thành" (Số 11 Caritas in Veritate).

3. "Trong khi người nghèo khó trên thế giới vẫn tiếp tục gõ cửa nhà người giàu thì thế giới giàu sang vẫn cố tình không nghe những tiếng gõ cửa ấy bởi vì lương tâm họ không còn phân biệt con người là gì nữa. Thiên Chúa đã biểu lộ tính người cho con người. Lý trí và niềm tin cùng làm việc song hành để cho chúng ta biết cái gì là tốt, với điều kiện chúng ta phải muốn nhận biết nó. Theo luật tự nhiên, thì lý trí sáng tạo chiếu rọi trước để chỉ cho ta thấy cái hay tuyệt vời của chúng ta, nhưng cái tồi tệ của con người chúng ta đã làm cho chúng ta không còn nhận ra được tiếng gọi của Sự Thật Luân Lý" (Số 75 Caritas in Veritate).

- Lạy Chúa, chúng con sẽ đi theo ai đây? Chúa chính là Lời Hằng Sống.

Fleming Island, Florida

Oct. 11, 2012

NTC

VỀ MỤC LỤC

ĐỨC KITÔ-LỜI, LÀ NGƯỜI GIEO VÀ LÀ HẠT GIỐNG

Lời Mời gọi của HĐGMVN:

Giáo Hội tại Việt Nam phải "phát động chương trình mỗi gia đình một cuốn Kinh Thánh được đặt nơi xứng hợp, cổ võ đọc và cầu nguyện với Lời Chúa", khuyến khích học thuộc lòng những đoạn Kinh Thánh cốt yếu. Mọi thành phần Dân Chúa, giáo dân, chủng sinh, tu sĩ và các mục tử, cần tập thói quen đọc và suy niệm Lời Chúa hằng ngày, đặc biệt theo phương thức *Lectio divina*. (Thư Chung của HĐGMVN, ngày 1.5.2011, số 11)

Xin giới thiệu cho nhiều người thân tham gia Gia Đình Lectio Divina Lecdiv@gmail.com để có thể hiệp thông với nhau trong đời sống cầu nguyện và cùng giúp nhau thực hành "điều cần thiết nhất trong mọi điều cần thiết". Đan viện

Xitô Thánh Mẫu Tâm Mỹ Ca, Nha Trang, sẽ cầu nguyện lâu dài cho tất cả những ai trung thành thực hành và cố võ việc thực hành Lectio divina.

Mọi thắc mắc về Lectio divina, xin gửi email cho cha Bảo Tịnh, O.Cist fr.baotinh@yahoo.fr

Tác Phẩm: MỘT VỊ THIÊN CHÚA NGỎ LỜI!

Thiên Chúa tỏ mình cho con người thế nào?

Chuyển ngữ:

Thérèse Trần Thiết

Fr. Marie Bảo Tịnh O.Cist

Nguyên tác:

Michel HUBAUT

UN DIEU QUI PARLE!

Comment Dieu se révèle-t-il à l'homme?

Chương 7

ĐỨC KITÔ-LỜI, LÀ NGƯỜI GIEO VÀ LÀ HẠT GIỐNG

Sự tăng trưởng khó khăn của Lời trên thửa đất lòng người

"Đức Giê-su lại bắt đầu giảng dạy ở ven Biển Hồ. Một đám người rất đông tụ họp chung quanh Người, nên Người phải xuống thuyền ở dưới biển mà ngồi, còn toàn thể đám đông thì ở trên bờ" (Mc 4, 1).

Ở đây, chiếc thuyền của Phê-rô được dùng làm nơi giảng dạy. Thánh Mác-cô nói rõ là Thầy Giê-su "ngồi" trên thuyền để giảng dạy. Đó là thái độ tự nhiên của luật sĩ khi giảng dạy Luật, họ ngồi trên "tòa của Mô-sê" (x. Mt 23, 2). Mác-cô còn muốn cho độc giả của mình hiểu rằng Luật của Giao Ước mới, kể từ nay đã được công bố trên một tòa khác với tòa giảng của các luật sĩ và biệt phái. Và vì chiếc thuyền này là thuyền của các môn đệ Thầy, nên hiển nhiên là Thầy Giê-su "nói" cách tự do, với uy quyền của Thầy, ở một địa điểm và môi trường mới: đó là cộng đoàn các tín hữu.

"Toàn thể đám đông ngồi trên bờ." Tư thế của Thầy ngồi giảng trên thuyền, cũng nêu rõ một "khoảng cách" nào đó đối với đám đông ngồi chen chúc trên bờ. Rất có thể Mác-cô muốn ám chỉ cách kín đáo đến Đức Ki-tô Phục Sinh "ngồi bên hữu Chúa Cha". Vì là "Thầy", ngày nay cũng như xưa kia, Đức Giê-su Ki-tô tiếp tục giảng dạy Lời Sự Sống cho đám đông đang trông chờ trên mọi bến bờ của thế giới, về mặt địa dư cũng như văn hóa.

Biển hồ Ga-li-lê cũng là ranh giới giữa Ít-ra-en và các dân ngoại, nên bờ biển này còn tượng trưng cho một sự "đứt đoạn", một khởi đầu mới cho cuộc hành trình ra khơi, đến những miền đất xa xăm. Lời của Thầy Giê-su, Tin Mừng là lời mời gọi tháo dây buộc thuyền, hướng đến tương lai với niềm tin, cắt đứt với những cách sống và tư duy của ta, để dám lên thuyền đi đến một địa điểm mới.

Đám đông ở lại trên "đất" liền, một từ quan trọng đối với Mác-cô, vì ông đã lặp lại chín lần liền tiếp (Mc 4, 1.5.8.20.26.28.31), có thể Mác-cô muốn trả lời cho nhiều câu hỏi của cộng đoàn ông:

- Làm sao thửa "đất" người tiếp nhận hạt giống Lời để sinh hoa trái?

- Tại sao thửa "đất" người lại khó mở cửa cho mầu nhiệm Giê-su, và cho Vương Triều Thiên Chúa mà Thầy Giê-su muốn tỏ lộ?

"Người dùng dụ ngôn mà dạy họ nhiều điều. Trong lúc giảng dạy, Người nói với họ: "Các người nghe đây!" (Mc 4, 2-3a).

"Giảng dạy" đúng là sứ vụ chính yếu của Thầy. Mác-cô nhấn mạnh bằng cách dùng động từ này ba lần trong hai câu (4, 1.2: *"Đức Giê-su lại bắt đầu giảng dạy ở ven Biển Hồ. Một đám người rất đông tụ họp chung quanh Người, nên Người phải xuống thuyền ở dưới biển mà ngồi, còn toàn thể đám đông thì ở trên bờ. Người dùng dụ ngôn mà dạy họ nhiều điều"*) và còn lặp lại tám lần động từ "nói" (Mc 4, 2.9.11.13.21.24.26.30). Thầy Giê-su giảng dạy "bằng dụ ngôn". Dụ ngôn là lối so sánh giữa một kinh nghiệm cụ thể với một thực tại tâm linh vô hình. Lời mà Đức Giê-su thường dùng nhất trong khi giảng dạy là *"Hãy nghe đây!"*. Mác-cô cho nó một vẻ trịnh trọng khi mở đầu bài giảng đầu tiên này, được Thầy triển khai cách rộng rãi. Lời mời gọi *"Hãy nghe!"* dĩ nhiên là tiếng vọng của việc tuyên xưng niềm tin độc thần của dân Giao Ước: *"Hãy nghe, hỡi Ít-ra-en!"* (x. Đnl 6, 4 tt) và lời kêu gọi không ngừng của các ngôn sứ: *"Hãy nghe!"* Thầy Giê-su dùng chính lời kêu gọi khẩn khoản này của Thiên Chúa Giao Ước.

"Kìa người gieo giống đi ra gieo giống" (Mc 4, 3b) Thầy tự giới thiệu mình, vừa như "người gieo giống" đi ra gieo hạt, vừa như chính hạt giống được gieo xuống đất chờ được nảy mầm, mọc lên. Đây đúng là sứ vụ của Thầy.

"Trong khi gieo, có hạt rơi xuống vệ đường, chim chóc đến ăn mất. Có hạt rơi trên sỏi đá, chỗ không có nhiều đất; nó mọc ngay, vì đất không sâu; nhưng khi nắng lên, nó liền bị cháy, và vì thiếu rễ nên bị chết khô. Có hạt rơi vào bụi gai, gai mọc lên làm nó chết nghẹt và không sinh hoa kết quả. Có những hạt lại rơi nhằm đất tốt, nó mọc và lớn lên, sinh hoa kết quả: hạt thì được ba mươi, hạt thì được sáu mươi, hạt thì được một trăm" Rồi Người nói: "Ai có tai để nghe thì nghe" (Mc 4, 4-9)!

"Việc xảy ra là..." Cái gì đã xảy ra? Mác-cô dùng động từ "xảy ra" ở đây để chỉ một sự kiện bất ngờ: Việc "xảy ra" là hạt giống – Lời Giê-su – không dễ dàng đi sâu vào thửa đất lòng người! việc tăng trưởng của nó bị cản trở. Đây chính là một sự kiện gây ra vấn đề! Trong dụ ngôn này, Thầy lôi kéo sự chú ý của ta đến công việc lâu dài và khó nhọc: gieo hạt giống xuống thửa đất lòng chúng ta. Và không phải tình cờ nếu Mác-cô đặt bài giảng bằng dụ ngôn này trong một bối cảnh của sự đụng độ và đối kháng. Trong chương trước, khi cho ta thấy sự xung đột giữa Thầy với những người biệt phái, những người đồng hương và với cả những người trong gia đình Thầy, Mác-cô đã ngụ ý cho ta thấy những sức kháng cự đối với Lời Giê-su.

Ngay cả nhóm môn đệ cũng bị hụt hẫng trước sự thay đổi tình thế đáng lo ngại, qua những sự kiện này. Đứng trước vẻ bên ngoài như chiều thất bại, và bầu khí chống đối mỗi ngày thêm nặng nề, niềm tin của họ vào Thầy và Tin Mừng của Thầy như cũng bị lung lay. Chắc chắn để trấn an môn đệ mình, Đức Giê-su mới kể dụ ngôn này. Thầy nhìn thấy rõ những thất bại đó và không tìm cách che đậy. Thầy nhận thấy sứ điệp của mình đang vấp phải sự bất đồng cảm của con người. Nhưng nếu Thầy Giê-su đã quảng diễn cách tỉ mỉ những trường hợp bất lợi cho hạt giống, thì cuối cùng Thầy đã kết luận bằng một trường hợp thật bất ngờ, với cảnh bội thu đầy hứa hẹn.

Như thế, Đức Giê-su muốn nói lên niềm tin vào sứ vụ của mình, lòng hy vọng vào tương lai, để khích lệ, củng cố đức tin và niềm hy vọng của các môn đệ. Bất chấp mọi trở ngại gặp phải trên "thửa đất lòng người", Thầy bảo đảm chắc chắn rằng kế hoạch yêu thương của Cha đã uỷ thác cho Thầy mạc khải, sẽ được kiện toàn. Chỉ vì lý do đơn giản là "Người gieo giống đã đi ra gieo hạt".

Chính Thầy, người gieo giống là nhân vật chính trong dụ ngôn này, dù sau đó như biến mất khỏi trình thuật, nhưng chính Thầy là người khởi xướng đi ra gieo hạt. Và trong Thầy Giê-su, là chính Thiên Chúa đang tác động cho việc gieo mầm một dân tộc mới, một nhân loại mới và cũng chính Người bảo đảm cho việc tăng trưởng và cho mùa gặt.

Với một nhóm môn đệ ít ỏi, tuy sợ sệt, nhưng họ luôn trung thành với Thầy, dù chỉ là dấu chỉ khiêm tốn, yếu ớt, nhưng hiện thực giữa lòng thế giới khép kín trong thái độ chối từ. Thầy diễn tả trong dụ ngôn này niềm tin không lay chuyển của Thầy nơi Cha, là Đấng đã sai Thầy, cũng như niềm tin của Thầy nơi các môn đệ, trước tiên là cho chính họ, những người "bạn

hữu” thiết nghĩa của Thầy.

Chúng ta đang đứng trước một dụ ngôn của niềm Tin và Hy Vọng. Đức Giê-su nói với chúng ta: “Hãy tin”, triều đại của tình yêu đã đến với chúng ta rồi. Nó không từ con người mà đến, nhưng từ Thiên Chúa là Đấng khởi xướng. Và mùa gặt sẽ thu hoạch được nhiều hơn lòng mong đợi của con người. Để cộng tác cho mùa gặt này, Thiên Chúa chỉ yêu cầu chúng ta một điều duy nhất: hãy là đất tốt để đón nhận Lời.

Đối với ki-tô hữu, tin và hy vọng trước hết là “lắng nghe”, là để cho Lời Sự Sống của Đức Ki-tô được gieo vào lòng mình. Niềm hy vọng của chúng ta bắt đầu bởi một hành động của niềm tin yêu nơi Thầy. Hy vọng là tin vào quyền lực dũng mãnh của Lời Thầy Giê-su, tin vào tình yêu sinh động của Thầy cho con tim loài người của chúng ta. Tất cả còn đang trong giai đoạn phôi thai, nảy mầm, tuy nhiên tất cả đã có đó trong hiện thực, như cây sồi đã có sẵn trong quả sồi, như mọi trái cây đều tiềm ẩn trong mỗi hạt giống rồi. Đây chính là nền tảng của niềm hy vọng ki-tô hữu: Điều mà Cha đã khởi sự trong việc Nhập Thể và Nhập Thể của Giê-su, Con Một của Cha, chắc chắn sẽ được thực hiện trong viên mãn. Bất chấp mọi phiêu lưu bất ngờ của lịch sử con người. Mùa gặt đã được bảo đảm trong Đức Ki-tô Khải Hoàn.

Trong dụ ngôn này, Thầy Giê-su mô tả các công đoạn của việc gieo giống cách tỉ mỉ, hạt giống có khi bị thất thoát, héo khô hay bị chết nghẹt, cũng có khi được nảy mầm rồi sinh hoa kết quả trong lòng người sẵn sàng đón nhận. Thầy đem đối chiếu giữa hai nghịch cảnh: ban đầu hạt giống bị thất thoát vô hiệu quả, nhưng sau cùng thì mùa gặt bội thu vượt trên mọi mong chờ ước đoán và hy vọng của con người. Thửa “đất tốt” sản xuất từ 30, 60 và 100 cho mỗi hạt giống được gieo! Mặc dù thời đó mức thu hoạch trung bình chỉ vào khoảng 10 đến 20 cho mỗi hạt giống thôi!

Lời Thầy, hạt giống sự sống, chỉ có thể nảy mầm, sinh hoa kết quả nếu thửa đất lòng người biết mở cửa đón nhận.

Thánh Mác-cô kết thúc dụ ngôn, cũng như khi bắt đầu, với lời mời gọi mọi người lắng nghe bằng chính con tim của mình: *“Ai có tai để nghe thì hãy lắng nghe!”* Lời kết nhấn mạnh điểm tế nhị của bài giảng huấn trong dụ ngôn, đó là lời kêu gọi rất trịnh trọng: *“Hãy mở”* lòng, mở tâm trí để lắng nghe Lời Chúa trong niềm tin. Đó là ơn Chúa mà người môn đệ phải đón nhận để tìm hiểu ý nghĩa Lời Thầy và làm nảy sinh hoa trái trong đời sống cá nhân cũng như cộng đoàn của mình.

(chương còn tiếp kỳ sau)

VỀ MỤC LỤC

“BIỆT LY, NHỚ NHUNG TỪ ĐÂY...”

Tôi đã trở về Hà Nội vào lúc 11g00 đêm, nhưng những cảm xúc vẫn cứ mãi dâng trào trong tôi. Tôi vừa tham dự vào một cuộc chia ly đầy tình cảm, những giọt nước mắt, những cái níu tay, những tiếng nức nở và những lời nhắn gửi thắm tình, dạt dào thương mến, chân thành, đơn sơ và thánh thiện...

Chiều nay anh em chúng tôi vừa kết thúc chuyến giảng Đại Phúc ở một Giáo Họ thuộc một Giáo Xứ ở Hà Nam, Giáo Họ mừng 100 năm kỷ niệm Nhà Thờ, tôi được tham dự ngày cuối cùng khi trên đường từ Nho Quan, Ninh Bình, trở về ngang qua Hà Nam trước khi vào Hà Nội.

Khi tôi vào đến đầu làng, một không khí tung bừng rộn rã thể hiện trên các lối đi của làng xã, cờ Hội Thánh (trắng, vàng), cờ Đức Mẹ (trắng, xanh), bay phất phới, cha trưởng đoàn Đại Phúc chia sẻ với tôi: cả làng ngưng việc để tham dự Đại Phúc. Quả thật ngoài ruộng vườn, những mảnh vườn bé nhỏ, những ô ruộng khiêm tốn đầy những vật rau xanh, xu hào, cải xanh, hành, họ, củ cải xanh ngắt một màu hiền hòa nằm im ắng dưới nắng chiều nhẹ của một ngày giữa thu Hà Nội, gần như không có một bóng người giữa ruộng vườn.

Có một người phụ nữ trẻ, trên đầu vẫn một cái khăn như chúng ta thường thấy nơi người nữ lao động miền Bắc, quần áo lam lũ ruộng vườn, chị nhìn thấy chúng tôi vào làng khi đang cố gắng “tham lam” thu dọn nốt một vài cái gì đó nơi vuông ruộng nhà chị. Khi thấy chúng

tôi, chị như hốt hoảng, chị vội vàng chạy lên đường cái, dắt chiếc xe đạp của chị đang dựng trên đường để tránh qua một bên, hình như chị cảm thấy có lỗi vì giờ này vẫn còn ở ruộng chưa về để lo đến Nhà Thờ. Dưới nắng chiều tôi thấy chị đẹp lạ lùng, tôi nói với cha trưởng đoàn: "Em thấy không, người đàn bà đó thật dễ thương, chị đơn sơ chân chất, thánh thiện và đáng ngưỡng phục, ôi sao nét đẹp nhiệm màu..."

Cha trưởng đoàn Đại Phúc giao cho tôi nhiệm vụ giảng bài kết thúc tuần Đại Phúc trong Thánh Lễ bế mạc, nội dung bài giảng nói về Đức Mẹ. Hình ảnh người phụ nữ lam lũ, đơn sơ, tinh tế, tôi vừa gặp trên đường ruộng gợi ý cho tôi nói về Mẹ của chúng mình. Mẹ đã sinh ra rồi lớn lên trong kiếp sống nghèo lao động, nơi cái nghèo vật chất, Mẹ ý thức và nhạy bén với cái nghèo tinh thần, Mẹ "phô diễn" cái nghèo của Mẹ bằng cách để cho Chúa làm cho Mẹ nên giàu có, và Mẹ chuyển cái giàu có của Mẹ cho chúng ta được trở nên giàu có.

Ngày mai Chúa Nhật 28 mùa Quanh Năm B, bài Tin Mừng Mc 10, 17 – 27 Chúa nói: *"...Những kẻ cậy dựa vào tiền bạc, thật khó mà vào Nước Thiên Chúa biết bao ! Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu có vào Nước Thiên Chúa".* Nước Thiên Chúa không có chỗ cho người giàu cậy thế ỷ quyền, không bao giờ con lạc đà mà có thể chui qua lỗ kim ! Nhưng *"Phúc cho ai có tinh thần nghèo khó vì Nước Trời là của họ"* (Mt 5, 3). Nước Thiên Chúa thuộc về những ai sống nghèo, biết sống nghèo, ý thức mình nghèo mà phó thác cậy dựa vào Thiên Chúa.

Chúng tôi kết thúc Tuần Đại Phúc bằng nghi thức trồng và làm phép cây Thánh Giá Đại Phúc được dựng trong sân Nhà Thờ, bữa cơm tối vội vã với cha xứ, cha phó, Hội Đồng Mục Vụ Giáo Xứ và các em giúp lễ. Khi chúng tôi dùng cơm, bà con vây quanh chật phía ngoài nhà cơm, các bạn trẻ hát hò vui vẻ, thỉnh thoảng các cha trong đoàn chạy ra reo hò, hát với các bạn đôi câu, tiếng cười giòn tan, tiếng vỗ tay ồ ạt, tiếng la hét tranh nhau nói, tranh nhau trêu chọc.

Tôi hoàn toàn không ngờ, cái đám đông ấy chưa chịu về nhà còn nán lại vui vẻ ở sân Nhà Thờ bỗng bùng lên những tình cảm bi lụy, khi anh em chúng tôi khăn gói và ly đồ đoàn chất lên xe, là lúc tiếng khóc nức nở vang lên thay tiếng cười rộn rã, người lớn khóc, các bạn trẻ khóc, rồi cả bọn giúp lễ ngơ ngác nghịch ngợm cũng khóc. Họ níu kéo các cha không cho đi, họ gào lên: "Cha đừng đi, cha ơi !"

Ông Trùm nói với tôi: "hôm nay các cha đi rồi chúng con vắng vẻ lắm", ông nói rồi ông nghẹn không nói được nữa. Xe chờ chúng tôi phải vất vả lắm mới tiến dần ra đến đầu làng, vất vả vì đường hẹp, các bạn trẻ bám theo xe, các bạn khóc như đi đưa đám, các cha cứ phải thò đầu ra khỏi xe để an ủi, bảo các bạn trở về nhà đi, có cha quát to lên: "Cha có chết đâu mà khóc, sao lại theo xe như xe tang vậy ?" Ông tài xế chật vật không dám chạy nhanh nữa vì sợ các bạn bị kẹt vào xe, các bạn cứ đập vào xe rầm rầm và cứ khóc, có cha nói đùa: "Các cha thì xót xa, bác tài thì xót xe !"

Xe ra đến đầu làng nhưng không di chuyển được nữa, một đám dân chúng đứng hai bên đường đưa tiễn nhưng có một gia đình bế đứa con nhỏ đặt ngay ra giữa đường để cản xe, bác tài bí hoàn toàn, chúng tôi xin cha xứ can thiệp, cha xứ ở nhà xứ chính cách đó hơn hai cây số, ngài về cùng xe với chúng tôi, ngài phải mở cửa xe bước xuống thuyết phục họ bế cháu bé lên để chúng tôi đi.

Nút chặn cuối cùng ở ngay đầu làng, một nhóm đã phục sẵn, kết hợp với nhóm "theo xe tang" bít chặt cửa làng. Một lần nữa cha xứ phải xuống xe, ngài vất vả để mở đường cho xe chờ chúng tôi thoát ra, bây giờ trong xe tĩnh lặng hoàn toàn, không ai dám đùa giỡn nữa, tiếng khóc vang lên rồi xa dần khi xe lăn nhanh bánh, hình như có giọt nước mắt nào đã lọt vào xe, đọng lại trên khóe mắt những Thừa Sai của Chúa Giêsu.

Bóng tối như trùm cả vào trong xe, đôi phút tĩnh lặng đi qua, bỗng mọi người phá lên cười vì đồng loạt các điện thoại của anh em đều từng bừng báo chuông, và lại những lời chia tay biệt ly ồ ạt vang lên.

Chúng tôi về đến Hà Nội, trời đã vào khuya, tiết thu Hà Nội đã bắt đầu se se lạnh, quá mệt mỏi, mọi người lặng lẽ khăn gói về phòng riêng, nhưng hình như không ai ngủ, tôi ngồi ghi lại những cảm xúc này khi thời gian đã qua ngày hôm sau, 1g30 ngày Chúa nhật 14 tháng 10, đèn các phòng gần phòng tôi có phòng còn sáng. Thiên Chúa lạ lùng, từng ngày Ngài dạy tôi từng bài học mới, bài học yêu thương, bài học hiệp thông...

Lm. VĨNH SANG, DCCT,

rạng sáng Chúa Nhật 14.10.2012 (Ephata 530)

VỀ MỤC LỤC

NĂM ĐỨC TIN: TRÁCH NHIỆM NGÔN SỬ CỦA NGƯỜI TÔNG ĐỒ VÀ CỦA NGƯỜI TÍN HỮU GIÁO DÂN

Thánh Lễ khai mạc Năm Đức Tin đã được Đức Thánh Cha Bê-nê-đictô 16 long trọng cử hành tại Rôma ngày 11 tháng 10 vừa qua. Năm Đức Tin được mở ra nhân kỷ niệm 50 năm sau Công Đồng Vaticanô II kết thúc , và cũng kỷ niệm 20 năm ngày công bố Sách Giáo Lý mới của Giáo Hội Công Giáo, đồng thời cũng là dịp Thượng Hội Đồng Giám Mục thế giới (Synod of Bishops) họp phiên kháng đại lần thứ 13.

Đây là thời điểm thích hợp để toàn thể Giáo Hội nhìn lại đời sống đức tin của mình dựa trên nền tảng Tin Mừng Cứu Độ của Chúa Kitô, Đấng đã đến trần gian làm Con Người để rao giảng Tin Mừng, và hy sinh "**hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.**" (Mt 20: 28)

Nghĩa là mọi người trong Giáo Hội – Hàng Giáo Phẩm, Giáo sĩ, Tu sĩ và Giáo dân - đều được mời gọi để canh tân, củng cố và sống niềm tin của mình vào Chúa Kitô cách hữu hiệu hơn nữa để ứng phó với những thách đố của thời đại **tục hóa (vulgarism) tôn thờ khoái lạc (hedonism) vô thần (atheism) và phi luân (amoralism), là những đặc trưng của "văn hóa sự chết"** đang lan tràn ở khắp nơi trên thế giới ngày nay để lôi cuốn biết bao người vào hố diệt vong . Diệt vong vì không có niềm tin vào một Quyền Lực , hay một Đấng Tối Cao mà người tín hữu chúng ta tôn thờ là Thiên Chúa, Đấng dựng nên và thưởng phạt con người về những việc mình làm trong cuộc sống trên đời này. Vì không có niềm tin này, nên người ta tự do sống thác loạn, làm những sự dữ và tội ác không sao tả cho siết được.. Thực trạng này phải là mối ưu tư hàng đầu của những ai muốn sống niềm tin có Thiên Chúa cực tốt cực lành, đã sai Con Một là Chúa Kitô đến trần gian vì "**muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý.**" (! Tm 2 : 4)

Nhưng muốn được cứu độ và nhận biết chân lý thì phải thực sự và thực tâm tin Chúa Kitô và thể hiện niềm tin ấy cách cụ thể bằng thực hành hay sống theo Tin Mừng Cứu độ của Người.

Thật vậy, Phúc Âm Sự Sống hay Tin Mừng Cứu Độ mà Chúa Kitô đã rao giảng và trả giá bằng chính mạng sống của Người trên thập giá cách nay trên 2000 năm, cho đến nay vẫn còn xa lạ đối với đa số người trên trái đất này , vì hiện còn trên 5 tỷ người chưa biết Chúa Kitô và đang còn ở ngoài Giáo Hội Công Giáo là phương tiện hữu hiệu nhất để chuyên chở ơn cứu độ của Chúa Kitô đến cho mọi dân mọi nước trên khắp địa cầu cho đến ngày mãn thời gian .

Vì thế, sứ mạng Phúc âm hóa thế giới vẫn là trọng trách và là mối ưu tư hàng đầu của Giáo Hội . Và để thi hành sứ mạng này cách hiệu quả hơn, Giáo hội cần nhìn lại chính mình để xem Tin Mừng của Chúa Kitô đã thấm sâu vào tim óc của mình đến đâu cũng như đã biến đổi chính mình ra sao, trước khi tiếp tục sứ mạng phúc âm hóa người khác, tức mời gọi thêm nhiều người nữa đón nhận và tin Chúa Kitô là Đấng cứu chuộc duy nhất của nhân loại.

Đó là lý do Giáo Hội mở Năm Đức Tin để toàn thể Giáo Hội được dịp kiểm điểm đời sống đức tin của mình trước khi quảng bá đức tin ấy cho những người chưa nhận được Tin Mừng này.

Ngày 22 tháng 9 vừa qua, nhân tiếp kiến một số đông tân Giám mục ở Rôma, Đức Thánh Cha Biển Đức 16 đã lưu ý các tân Giám mục về sứ mệnh phúc âm hóa như sau :

"Công cuộc Phúc âm hóa quả thực không phải là công việc của các chuyên gia mà là của toàn thể dân Chúa trong Giáo Hội dưới sự hướng dẫn của các chủ chăn.

Mỗi thành viên của tập thể tín hữu ở trong và cùng với cộng đồng Giáo Hội phải cảm thấy mình có trách nhiệm công bố và làm nhân chứng cho Tin Mừng."

(Evangelization , indeed, is not a work of specialists, but of the entire people of God under the guidance of their Pastors. Every member of the faithful , in and with the ecclesial community must feel responsible for proclaiming and witnessing to the Gospel. (L'Osservatore Romano, September 26,2012, p.5)

Đây chính là sứ mệnh mà Chúa Kitô đã trao phó cho các Tông Đồ trước tiên và cho toàn thể Giáo Hội ngày nay trước khi Người về Trời:

" Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo. Ai tin và chịu phép rửa sẽ được cứu độ; còn ai không tin thì sẽ bị kết án." (Mc 16 :16)

Như thế loan báo Tin Mừng hay Phúc Âm hóa thế giới phải là sứ mệnh quan trọng nhất của Giáo Hội nhận lãnh từ chính Chúa Kitô sau khi Người hoàn tất công trình cứu chuộc nhân loại của Thiên Chúa qua khổ hình thập giá, chết , sống lại và lên Trời.

Nhưng muốn cho công cuộc Phúc âm hóa được kết quả mong muốn thì người công bố phải là người chứng tá cho Tin Mừng mình loan truyền cho người khác, như Đức Thánh Cha đã nhắc nhở các Tân Giám Mục trên đây. Nghĩa là chính mình phải sống Tin Mừng ấy cách đích thực và sâu đậm thì mới có sức thuyết phục người khác tin điều mình rao giảng cho họ.

I- Trách nhiệm ngôn sứ và nhân chứng của người Tông Đồ.

Thật vậy, người Tông Đồ xưa và nay là người được Chúa kêu gọi cách riêng đi rao giảng và làm chứng cho Tin Mừng. Thế giới xưa và đặc biệt ngày nay, đã và đang thách đố niềm tin Kitô Giáo và những ai rao giảng Tin Mừng của Chúa với thực trạng của " văn hóa sự chết" chối bỏ Thiên Chúa và mọi giá trị của Người để quyến rũ con người vào đường hư mất đời đời.

Vì thế cho nên **"khốn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng."** (1 Cor 9: 16) như Thánh Phaolô đã nhắc nhở chính mình và những ai được ơn gọi đi rao giảng Tin Mừng Cứu Độ của Chúa Kitô, là linh dược để chữa lành mọi bệnh tật của linh hồn và bảo đảm hy vọng được sống hạnh phúc với Chúa trên Nước Trời mai sau.

Nói khác đi, để đối kháng với mọi thách đố của "văn hóa sự chết" chỉ có **Phúc Âm sự sống** của Chúa Kitô mới có sức hóa giải mọi độc hại của các tà thuyết vô thần, tôn thờ tiền bạc và của cải vật chất , chuộng khoái lạc vô luân vô đạo, đứng dưng trước sự đau khổ , nghèo đói của người khác. Đó là bộ mặt của thế gian trống vắng niềm tin, và nhuộm đầy màu sắc của sự dữ sự gian ác, sự ô uế, sự bất công và thiếu tình người .

Nhưng cho được thuyết phục người khác nghe và tin Chúa Kitô, người Tông Đồ phải là người chứng tá trung thực của Tin Mừng mình rao giảng.

Cụ thể, nếu người Tông Đồ cũng ham mê tiền của và hư danh trần thế, để vận động hay mua chuộc ai hầu được tiến cử vào các chức vụ lãnh đạo trong Giáo hội hoàn vũ hay địa phương, - hoặc tệ hại hơn nữa - làm tay sai cho thế quyền để mưu lợi ích cá nhân, thì chắc chắn sẽ không thể giảng sự khó nghèo của Phúc Âm và thuyết phục được ai sống tinh thần khó nghèo này và khiêm tốn phục vụ theo gương Chúa Kitô, Người đã sống lang thang, khó nghèo đến nỗi **"không có nơi tựa đầu, trong khi con chôn có hang, chim trời có tổ."** (Mt 8: 21)

Như vậy, nếu dính bén vào của cải trần thế, và chạy theo danh vọng hư hèn thì đã khinh chê tinh thần khó nghèo của chính Chúa Kitô.

Mặt khác, để nói lên sự khinh chê về những ham muốn danh vọng hư hão trên đời này và cũng để trả lời các môn đệ đến hỏi Chúa xem ai là người lớn nhất trong Nước Trời, Chúa Giêsu đã nói với họ như sau : **"ai tự hạ, coi mình như em nhỏ này, người ấy sẽ là người lớn nhất Nước Trời."** (Mt 18 : 4)

Đó chính là gương phục vụ sáng chói mà Chúa Giêsu đã nêu cao khi Người cúi mình rửa chân cho các môn đệ trong Bữa tiệc Ly sau hết trước khi Người bị trao nộp và tử nạn trên

thập giá để đền tội thay nhân loại và cứu chuộc cho muôn người. khỏi chết đời đời vì tội.

Như thế, sống đức tin cho có chiều sâu và có sức thuyết phục người khác trong Năm Đức Tin này cũng đòi hỏi cách riêng người Tông Đồ lớn nhỏ ngày nay phải nhìn lại đời sống đức tin của chính mình, xem mình có thực sự sống cốt lõi của Tin Mừng hay chưa và , - và đặc biệt - đã thực sự sống tinh thần khó nghèo của Chúa Kitô " **Đấng vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên khó nghèo vì anh em , để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có."** (2 Cor 8: 9) ?

Nếu người Tông Đồ mà không là mẫu mực đức tin, đức cậy , đức mến , kèm với tinh thần phục vụ khiêm tốn và khó nghèo theo gương Chúa Kitô, thì làm sao có thể thuyết phục được ai nghe mình giảng dạy về những nhân đức này nữa ? Chúa nói: " **Ai có tai nghe thì nghe."** (Mt 13 : 43; Mc 4: 23; Lc 8: 8)

II- Trách nhiệm ngôn sứ và chứng tá của người tín hữu giáo dân:

Không phải chỉ người Tông Đồ mới có trách nhiệm rao giảng và làm chứng cho Tin Mừng.

Ngược lại, qua bí tích Rửa tội, người giáo dân cũng tham dự vào ba chức Tư Tế, Ngôn sứ và Vương đế của Chúa Kitô nhưng với thể thức khác với hàng Giáo phẩm, giáo sĩ và tu sĩ..

Cụ thể , hàng Giáo sĩ và Tu sĩ thừa tác (Ministerial clergy and religious) như các Giám mục và linh mục Dòng và Triều thi hành chức năng tư tế bằng việc tế lễ trên bàn thờ, tức là dâng lại Hy Tế thập giá của Chúa Kitô, giảng Phúc Âm và cử hành các bí tích trong nhà thờ nhân danh Chúa (in persona Christi).

Người tín hữu giáo dân, ngược lại, dâng chính đời sống của mình với mọi vui buồn, sướng khổ để hiệp thông với sự đau khổ của Chúa Kitô trên thập giá xưa và cách bí nhiệm ngày nay trên bàn thờ mỗi khi Thánh Lễ Tạ Ơn (Eucharist) được cử hành để cảm tạ Chúa Cha và xin ơn tha tội cho chúng ta cùng thể thức và mục đích của Hy tế Chúa Kitô dâng lần đầu tiên trên thập giá.

Cũng vậy, người tín hữu giáo dân thi hành sứ mạng ngôn sứ của mình bằng chính đời sống của mình trước mặt người đời để " **họ thấy những công việc tốt đẹp anh em làm mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên trời."** (Mt 5: 16).

Nghĩa là trong khi những người không có niềm tin vào Chúa Kitô và đang làm những sự xấu sự dữ như giết người, giết thai nhi, thay vợ đổi chồng, dâm ô trác táng, gian manh, trộm cắp, cờ bạc , căm thù, chia rẽ , coi nhẹ lương tâm để lường gạt, bóc lột người khác...thì người có niềm tin nơi Chúa phải sống niềm tin ấy cách cụ thể và sống động để nêu cao những giá trị của niềm tin là tôn trọng sự sống, tôn trọng công bình, lương thiện, thực thi bác ái, yêu thương, tha thứ , " **như thế, anh em sẽ trở nên trong sạch , không ai chê trách được điều gì, và sẽ trở nên những con người vẹn toàn của Thiên Chúa giữa một thế hệ gian tà sa đọa. Giữa thế hệ đó, anh em phải chiếu sáng như những vì sao trên vòm trời."** (Pl 2: 15) theo lời dạy của Thánh Phaolô Tông Đồ.

Thật vậy, sống trong thời đại của "văn hóa sự chết" , đức tin của người tín hữu Chúa Kitô đang bị thách đố nặng nề bởi những kẻ không có niềm tin nào , nên chỉ còn biết chạy theo những quyến rũ của tiền bạc và danh vọng hư hão, coi nhẹ luân thường đạo lý để làm những sự độc ác như giết người không gớm tay, lừa đảo, gian manh, pha chế chất độc vào thực phẩm để làm hại sức khỏe của dân chúng, trồng cây thuốc phiện, cần sa, ma túy , mở sòng bạc, nhà điểm, buôn bán phụ nữ và trẻ em cho kỹ nghệ mãi dâm, ấu dâm vô cùng khốn nạn và tội lỗi.

Nếu người tín hữu Chúa Kitô mà cũng tham gia vào những việc tội lỗi nói trên, thì đã tự đánh mất niềm tin của mình và đã thỏa hiệp với thế gian vô đạo cách rõ nét nhất. Và như thế thì thay vì làm nhân chứng cho Chúa Kitô trước mặt người đời, người tín hữu sẽ trở thành phản chứng (anti-witness) bằng chính đời sống của mình trước mặt người khác khi không dám sống niềm tin của mình phản ánh trung thực Tin Mừng của sự sống, sự công bình, đức bác ái, tình thương tha nhân, lòng yêu mến sự trong sạch thánh thiện là những đặc trưng và đòi hỏi của Tin Mừng Cứu Độ, tức Phúc Âm Sự Sống đối nghịch hoàn toàn với : "văn hóa sự chết" của thế giới tục hóa ngày nay.

Mặt khác, khi người tín hữu Chúa Kitô tích cực hoạt động để bảo vệ cho sự sống, bảo vệ và nêu cao những giá trị của luân lý Kitô Giáo về hôn nhân, về gia đình, về sự chung thủy của vợ chồng trong hôn nhân, về công bình xã hội, về tôn trọng quyền sống của con người ..thì đã góp phần tích cực vào việc mở mang Nước Chúa là Vương quốc của sự bình an, công bình, yêu thương và thánh thiện.

Đó là trách nhiệm ngôn sứ và nhân chứng của người giáo dân trong Giáo Hội. Công Đồng Vaticanô II đã đặc biệt nói đến trách nhiệm này trong Hiến Chế Lumen Gentium (Ánh sáng muốn dân LG) như sau:

" ..Vì thế , giáo dân làm tông đồ là thông phần vào chính sứ mệnh của Giáo Hội. Mỗi tín hữu đều được Chúa đề cử làm tông đồ qua việc nhận lãnh Phép Rửa và Thêm sức,...Nhưng giáo dân được đặc biệt kêu mời làm cho Giáo Hội hiện diện và hoạt động trong những nơi và hoàn cảnh mà nếu không có họ, Giáo Hội sẽ không trở thành muối của thế gian." (x LG 33)

Nói khác đi, mọi thành phần dân Chúa trong Giáo Hội đều có trách nhiệm rao giảng lời Chúa và làm nhân chứng cho Chúa để đem ánh sáng Chúa Kitô vào nơi tối tăm ô uế vì ham chuộng khoái lạc dâm ô, nhầy nhót mất nết, đem công bình vào nơi bóc lột và bất công, đem yêu thương vào nơi oán thù, đem bình an vào nơi đang sôi sục lửa chiến tranh và khủng bố.

Tóm lại, Năm Đức Tin là thời cơ thuận lợi cho mọi người trong Giáo Hội kiểm điểm đời sống đức tin của mình để canh tân và đào sâu thêm đức tin vào Chúa Kitô trong hai chiều kích đi loan truyền và làm nhân chứng cho Tin Mừng Cứu Độ để mời gọi thêm nhiều người nữa tin và yêu mến Chúa Kitô để được cứu độ và được vinh phúc **"thông phần bản tính Thiên Chúa sau khi đã thoát khỏi cảnh hư đốn do dục vọng gây ra trong trần gian này."** (1 Pr 1 : 4)

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huân

VỀ MỤC LỤC

ÁO KHIÊM TỐN

Trong một vương quốc rộng lớn giàu sang nọ, trong khi nhà vua và mọi người điều hành phúc và vui tươi, riêng chàng hoàng tử luôn tỏ ra âu sầu, buồn chán; dường như chàng thiếu một điều gì đó mà không diễn tả thành lời được.

Lo lắng trước tình trạng của hoàng tử, nhà vua hỏi ý kiến các đại thần và lương y nhằm tìm cách giúp hoàng tử. Ban đầu người ta tưởng rằng do thất tình mà hoàng tử gặp chứng ưu phiền, nhưng sau một thời gian tìm hiểu, nhà vua được một đại thần cho biết là nếu nhà vua tìm được ai có chiếc áo khiêm tốn và cho hoàng tử mang chiếc áo ấy, hoàng tử sẽ bình phục và hạnh phúc.

Ngay sau đó, nhà vua yêu cầu quân lính tìm xem ai đang mang áo khiêm tốn để xin cho hoàng tử. Sau một thời gian, người ta nghe danh một tu sĩ được cho là thánh thiện và khiêm tốn. Giả dạng một thương gia giàu có, nhà vua gặp vị tu sĩ để xin áo khiêm tốn. Nhà thương gia mở lời, "Thưa ngài, nghe danh thánh thiện và sự khiêm tốn của ngài đã lâu, hôm nay tôi hân hạnh được diện kiến ngài. Tôi nghe người ta đồn rằng, ngài được một vị thần nào đó đã cho ngài chiếc áo tu sĩ; có phải nhờ chiếc áo này mà ngài nên thánh thiện và khiêm tốn phải không?" Vị tu sĩ tỏ vẻ khó chịu đáp ngay, "Có ai cho tôi cái áo này đâu, chiếc áo tu sĩ này là thành quả của bao năm tu luyện và học tập." Người thương gia tiếp, "Xin ngài cho tôi chiếc áo của ngài đang mang được không? Tôi muốn con tôi được thánh thiện và khiêm tốn như ngài." Vị tu sĩ nhìn người thương gia liền đáp, "Không được, tôi nhờ chiếc áo này mà danh tiếng của tôi vang xa, nay cho ông thì còn ai biết đến tôi nữa." Nghe xong, người thương gia từ giả buồn rầu vì biết rằng ông chưa thực sự tìm được người có chiếc áo khiêm tốn.

Một thời gian sau, nhà vua được giới thiệu cho biết là có một vị quan rất có tài năng trong việc cai trị dân làng. Nghe như thế, nhà vua nghĩ rằng ông quan này là người đức độ và đang sở hữu chiếc áo khiêm tốn. Tìm đến ông quan dưới dạng người thương gia, nhà vua cho

biết là đã nghe danh của vị quan về tài năng và đức độ, “Tôi nghe nói, sở dĩ quan trở nên đức độ và tài năng là nhờ trời cho quan có chiếc áo thần mà mỗi lúc mang nó vào thì người dân luôn phục tùng quan có phải không?” “Đúng vậy,” quan trả lời và tiếp, “Với chiếc áo này, khi mọi người thấy tôi đi qua đều quì rạp xuống và không một ai dám nhìn thẳng tôi; vì lẽ đó, việc ai trị của tôi rất dễ dàng và thuận lợi.” Với kinh nghiệm làm vua đã lâu, nhà vua hiểu ngay rằng, chỉ vì sợ hãi mà người dân vâng lệnh vị quan chứ không phải tài đức của ông mà làm cho người dân vâng phục.

Trên đường trở về hoàng cung với một thân xác mệt lã, đói khát, và một trái tim buồn lo vì chưa tìm được chiếc áo khiêm tốn cho con mình, nhà vua thấy một người nông dân với nét mặt bình an tự tại vác cuốc đi ngang trước mặt. Nhà vua tự giới thiệu, “Tôi là người bị lạc đường, tôi không có thức ăn, tôi không có chỗ nghỉ, tôi không có áo quần để thay; ông có thể giúp tôi được không?” Chưa kịp dứt lời, người nông dân mau mắn mời người qua đường về căn chòi của mình. Đến nhà, người nông giới thiệu cho vợ con về người khách quý gặp trên đường. Sau đó ông dọn phòng cho vị khách, đưa áo quần cho vị khách thay. Tiếp theo ông mau mắn giúp vợ con ông chuẩn bị cho bữa ăn tối. Sự nhiệt tình vui tươi của người nông dân làm cho nhà vua suy nghĩ. Sau khi tắm rửa, nhìn chiếc áo rách mà người nông dân đưa cho mình, nhà vua lưỡng lự là mình có nên mang nó vào hay không. Sau một hồi, ông cũng đánh liều mang chiếc áo rách vào. Lạ thay, sau khi mang chiếc áo rách vào, ông như muốn chạy xuống bếp để làm việc với gia đình người nông dân; ông cảm thấy thích thú khi rửa chén, lau bàn, dọn dẹp vệ sinh. Ông không còn nghĩ mình là khách và là vua nữa, nhưng là một nông dân với chiếc áo rách. Ông xin ở lại với gia đình người nông dân thêm ít ngày nữa để đi cuốc đất, trồng khoai và trò chuyện với họ. Ông chẳng hề nghĩ đến vương niệm, ngai báu, nhưng luôn thưởng hưởng được sự an bình, vui tươi. Sau vài ngày sống với người nông dân và mang chiếc áo rách của người nông dân, nhà vua nhận ra rằng, đây chính là chiếc áo khiêm tốn sẽ giúp con mình lành bệnh.

Ngày chia tay với người nông dân, nhà vua lấy một thỏi vàng trao cho người nông dân và xin được đổi chiếc áo rách nông dân. Ông nhận ra rằng, không có chiếc áo nào làm cho người ta trở nên khiêm tốn, thánh thiện, và quyền uy nếu chính mình không mang sự thấp hèn, rách nát của đồng loại vào con người mình. Chính khi thực sự chia sẻ tất cả sự thấp hèn ấy, ông thấu chạm được nỗi khổ của con người, vì lẽ đó ông cũng chạm được sự thánh thiện, khiêm tốn, và quyền uy – không phải để thống trị, mà là để yêu và cảm thông chia sẻ.

Ông trở về với chiếc áo rách trên tay; ông mặc chiếc áo ấy cho hoàng tử và gởi hoàng tử sống với người nông dân một vài năm. Quả thật, hoàng tử đã trở nên một con người như vua cha mong muốn.

* * *

Thưa bạn, mục *Sống Sao Cho Đẹp* mời bạn cùng mang chiếc áo rách khiêm tốn của người nông dân trong từng ngày sống của mình. Nếu chiếc áo tôi đang mang cũng rách, thì chắc một điều tôi không dám chê chiếc áo rách mà bạn tôi đang mang đâu!

Br. Huynhquảng

VỀ MỤC LỤC

NHỮNG VÌ SAO TRONG GIA ĐÌNH

THIÊN CHÚC LÀM CHA MẸ (Bài 5)

Những quan niệm của một đứa trẻ bị ảnh hưởng rất nhiều bởi vị thế của nó trong gia đình. Trong cuộc đời của đứa con, khuôn mặt bố mẹ là những nét quan trọng nhất trong suốt những năm đầu của cuộc sống. Phản ứng của bố mẹ đối với những cố gắng thực nghiệm của đứa trẻ điều khiển hành vi của đứa trẻ mặc dầu không luôn luôn trong cách thể được ước muốn vì ý tưởng của đứa trẻ về thành công không luôn phù hợp với ý tưởng của bố mẹ. Nó có thể nghĩ rằng họ phải phục vụ nó. Hơn nữa, cá tính của bố mẹ và cách xử sự riêng của họ cung cấp cho nó những đường nét hướng dẫn trong việc phát triển những cách ứng phó riêng của nó. Phán đoán từ cái nhìn riêng của nó, nó chấp nhận những phương pháp và hành động

mà nó xem là có hiệu quả.

Không may, ý kiến của nó không luôn phù hợp với của bố mẹ, chẳng hạn, nó thấy rằng sợ hãi khiến nó có được sự quan tâm đặc biệt. Tuy nhiên, khi đứa trẻ có các em, chúng thường trở nên quan trọng cho sự phát triển của nó hơn là bố mẹ, đầu bố mẹ là những người đóng vai trò trong gia đình, xếp đặt vị trí mà mỗi đứa phải theo. Bằng cách nhấn mạnh những nét đặc biệt và khả năng của mỗi đứa trẻ, họ góp phần vào việc cạnh tranh giữa các đứa trẻ và thường có sức mạnh sau hậu trường, không ý thức về việc giết giây và bị lúng túng bởi những hậu quả. Sự cạnh tranh giữa các anh chị em là một trong những ảnh hưởng mạnh nhất trong việc phát triển của mọi đứa trẻ. Những kết quả của nó thì rõ ràng, nếu những đứa trẻ biết sống cho nhau, không đánh nhau và cãi nhau công khai. Những dấu hiệu của sự cạnh tranh có thể được nhận ra cách dễ dàng nếu người ta quen với chúng.

Sự cạnh tranh giữa các anh chị em bắt đầu với sự liên hệ đặc biệt giữa đứa thứ nhất và đứa thứ hai. Yếu tố căn bản cho sự cạnh tranh được cung cấp bởi sự không có khả năng hiểu tâm lý của từng lứa tuổi. Đối với đứa trẻ, đối thủ của nó chỉ đơn giản là mạnh hơn hay yếu hơn, nhiều hay ít khả năng hơn, tuổi tác không phải là cái gì đáng kính. Những câu nói để xoa dịu như: "Con cũng có thể làm điều đó khi con lớn lên" thật là vô nghĩa đối với đứa trẻ. Trong hai năm nữa nó có thể làm điều mà anh nó có thể làm bây giờ, nhưng lúc bấy giờ anh nó một lần nữa vẫn còn dẫn đầu hai năm. Hai năm này làm nên sự khác biệt, không phải về năm tháng, nhưng là hậu quả của năm tháng như kích thích, khéo léo, khả năng, quyền bính. Cái tuổi đi đôi với cái đặc quyền đó trở thành yếu tố căn bản để đứa này chống lại đứa kia. Chúng ta đã thấy những đứa trẻ mà những đặc quyền tuổi tác của chúng được căn cứ trên một sự cách biệt rất nhỏ. Trong một số trường hợp như sinh đôi, sinh ba, chỉ có cách nhau mấy phút cũng được xếp như là già hơn với những đặc quyền rõ rệt ở cấp đàn anh chị.

Vì sự cạnh tranh giữa đứa thứ nhất và thứ hai rất phổ thông, những đứa con như thế cho thấy sự biểu lộ ý nghĩa của nó. Đứa đầu đã một lần là đứa con một, nhìn đứa thứ nhì như một sự đe dọa cái vị trí độc quyền của nó. Nó thấy mình bị cưỡng bách chia xẻ không chỉ thời gian và sự chú ý mà còn tình cảm của cha mẹ, đặc biệt của mẹ nó. Sự sinh đứa em luôn là một khủng hoảng đối với đứa con một, là kẻ thấy mình bị xuống ngôi. Ngay cả nếu nó đã được chuẩn bị cho biến cố này, nó cũng khó thấy trước được hậu quả của một tình thế không bao giờ được nếm mùi trước đây. Trong những trường hợp như vậy, tốt nhất nó nên được bảo đảm về ưu thế của nó như là một đứa trẻ lớn tuổi hơn và sẵn sàng chấp nhận sự đến của một người đồng bạn như một cứu thoát khỏi sự cô đơn.

Tuy nhiên, thông thường đứa con đầu với sự hiểu biết lớn dần quan sát sự phát triển của đứa bé mới sinh. Nó nhận thấy rằng cái lợi của nó trong khả năng và chức năng rất to lớn ở lúc đầu lại giảm dần với năm tháng. Nó phải sợ sẽ đến lúc mà kẻ đến sau sẽ bằng nó và sẽ vượt nó. Nhưng bố mẹ không hoàn toàn ý thức về vấn đề này nên một cách ngông cuồng bày đứa bé chống lại đứa lớn và làm căng thẳng sự cạnh tranh tự nhiên với những hậu quả tai hại. Khi đứa trẻ dùng hành động rối loạn để lôi kéo sự chú ý trước đây, bố mẹ trở nên giận dữ. Sự phấn khởi của họ đối với đứa bé dễ thương trái ngược với sự tỏ lộ buồn chán và đáng ghét với đứa lớn, càng tỏ cho nó thấy rằng những sợ hãi của nó là đúng biết bao.

Cái nan giải của đứa lớn càng xem ra phức tạp hơn bởi sự ước muốn được bù đắp của đứa nhỏ hơn cho những khó khăn riêng của nó. Nó có một đứa khác đi trước nó, biết đi biết nói, biết xếp đặt cho nó, biết đi đến trường, biết đọc, biết viết trong lúc đó nó thì không. Nó cố gắng hết sức để củng cố vị thế của nó, điều đó không có gì lạ. Không bao lâu đứa bé khám phá ra khuyết điểm của đứa lớn và nó sẽ chớp lấy cơ hội này. Sự lưu ý tình cờ của mẹ nó rằng đứa lớn có thể học lấy tấm gương sạch sẽ của đứa bé, câu đó cố gắng hiển một cơ hội: nó có thể trở vượt. Đứa lớn đến phiên nó nhận thức ra cái nguy hiểm trước mặt. Cảm thấy mình cách xa trong việc thăng tiến, không như bà mẹ đã hy vọng nó nên nó có khuynh hướng đầu hàng. Đứa em nó nhỏ hơn và kém hơn nhiều đã có thể làm một cái gì tốt hơn nó. Vậy nó cố gắng để làm gì?

Đây là một tình thế tiêu biểu. Một đứa trẻ bị làm thất vọng bởi sự thành công của một đứa khác nên quyết định cách vô thức rằng sức mạnh của nó nằm ở một chỗ nào khác, bỏ lãnh vực đặc biệt này lại cho kẻ cạnh tranh thành công hơn. Một khi ý tưởng đã có rễ, có một cái gì đó sẽ phát sinh. Đứa trẻ này đầu hàng, đứa khác càng cố gắng thiết lập một ưu thế trong lãnh vực đặc biệt đó, và đứa này càng thành công, đứa khác càng ít hy vọng. Đền xanh cho đứa này là đền đỏ cho đứa khác. Bố mẹ thay vì phá vỡ vòng đai khi nó còn dễ dàng phá vỡ, họ lại làm căng thẳng hơn bởi nghiêng về phía thành công hơn. Hai đứa trẻ chia thể giới

làm hai – một dựa vào cái thông minh – một cố gắng phát triển sự dễ thương, dễ mến của nó. Nếu đứa này thích học, đứa kia thích nổi bậc trong lĩnh vực thể dục thể thao. Đứa này giỏi ngôn ngữ, đứa kia sẽ thích toán. Đứa thì lệ thuộc và vô dụng, đứa kia có thể tin được và dựa được.

Sự thành công có thể được hoàn thành bởi đứa đầu hoặc đứa thứ hai, điều kiện và thái độ của bố mẹ quyết định kết quả. Chung chung, đứa này càng được cưng chiều hay bị đàn áp, đứa khác sẽ có cơ hội tốt hơn. Trong hầu hết mọi trường hợp, cơ hội là cái gì được phân chia để không ai thất bại cũng không ai thành công hoàn toàn. Dưới điều kiện may mắn, sự cạnh tranh không dẫn tới sự thất bại trong bất cứ nghĩa nào, nhưng để thành công hơn trong những lãnh vực trái ngược nhau. Trường hợp sau đây cho thấy rất rõ những phản ứng tự nhiên và những biểu lộ cạnh tranh giữa các trẻ:

Quốc Tiến, 9 tuổi là một đứa trẻ tuyệt vời. Nó mất cha cách đây 4 năm và biết cách xếp đặt để trở thành một niềm an ủi và giúp đỡ lớn lao cho mẹ nó. Từ nhỏ nó đã giúp mẹ nó không chỉ trong việc nhà mà còn giúp mẹ lo cho đứa em Quỳnh Hoa mới 6 tuổi. Tuy ở tuổi còn thơ dại nhưng mẹ có thể bàn thảo mọi vấn đề với nó, và thật ra nó gánh vác chức vụ của người nam trong gia đình. Chỉ một điều cậu bé không thể làm hoàn hảo, đó là học đường. Nó có ít bạn bè và không thích thú công việc ở trường mấy. Không có gì ngạc nhiên khi chúng ta thấy rằng ở trường cậu bé không có một vị thế nào đặc biệt mà nó có và thích thú như ở nhà. Người ta có thể dễ dàng tưởng tượng em bé Quỳnh Hoa của nó thuộc loại con gái nào? Cô bé không chịu nghe lời đến nỗi bà mẹ không biết phải làm gì với nó nữa và kêu gọi sự giúp đỡ. Cô bé không gọn gàng, không đáng tin, ồn ào, quậy phá, và chọc tức. Bà mẹ không thể hiểu tại sao trong thế giới hai đứa quá khác nhau như vậy. Thật khó cho bà để hiểu sự nổi kết giữa cái tốt của đứa trai và những khó khăn của đứa gái.

Chúng tôi có cuộc thảo luận chung với cả hai đứa. Thoạt đầu chúng tôi hỏi Quỳnh Hoa có nghĩ rằng mẹ thích nó không? Câu trả lời của nó như được mong đợi là một cái lắc đầu. Đoạn chúng tôi cắt nghĩa cho nó rằng chúng tôi bảo đảm là mẹ yêu nó rất nhiều nhưng vì nó không tin điều đó nên nó đã hành động trong một cách thể như để chọc giận mẹ nó. Như một kết quả, bà mẹ chú ý tới nó chỉ khi nó hành động không tốt và điều đó làm cho cô bé cảm thấy càng bị ghét hơn. Nếu nó cố gắng hành động cách khác nó sẽ thấy ra rằng bà mẹ cũng yêu nó.

Một cuộc thảo luận khác xảy ra với sự tham dự của Quốc Tiến. Bấy giờ, chúng tôi hỏi cậu bé có phải nó muốn em nó trở thành đứa con gái tốt và tử tế không? Cậu bé trả lời ngay: "Không". Chúng tôi hỏi nó tại sao nó không muốn. Nó trở nên lúng túng và cuối cùng nó nói: "Dẫu sao, nó sẽ không tốt". Bấy giờ, chúng tôi cắt nghĩa cho nó rằng chúng tôi sẽ giúp cô bé và nó cũng có thể giúp cô bé nữa và như thế chúng ta có thể thành công trong việc làm cho cô bé trở nên cô gái tốt. Quốc Tiến có thích không? Nó trả lời: "Vâng, thích!" nhưng có cái gì không chắc chắn. Tôi nhìn nó và nói với nó một cách thành thật rằng tôi không tin nó nói điều đó một cách đúng đắn. Tôi bảo đảm rằng tiếng "không" đầu tiên của nó chân thành và chính xác hơn. Nhưng tại sao nó không muốn em nó nên tốt? Nó có thể nói cho tôi. Nó nghĩ một lúc, rồi nói: "Vì cháu muốn nên tốt hơn!"

Một khi sự cạnh tranh giữa đứa thứ nhất và đứa thứ hai được thiết lập, đứa thứ ba có thể được nhận như một đồng minh bởi một trong hai. Rất ít khi đứa thứ ba cạnh tranh với cả hai để rồi bắt buộc đứa một và hai vào đồng minh với nhau, một tình thế có thể xảy ra nếu hai đứa lớn là con gái và đứa nhỏ nhất là con trai. Đứa thứ tư có thể về phía với bất cứ đứa nào trong những đứa lớn hơn tùy theo hoàn cảnh. Cách thể đã được dùng để phân chia sức mạnh có thể được nhận thấy cách dễ dàng bởi sự phát triển đặc tính của mỗi đứa. Hai chị em xung khắc nhau hẳn trong bản tính, sở thích, tình cảm là những đứa hay cạnh tranh nhau lúc còn trẻ. Sự kiện này mặc khải cho thấy rằng gia đình nào có tranh chấp, sự nhận thức về điều đó là cần thiết để có thể hiểu cá tính của mỗi đứa.

Tương quan gia đình thì rất quan trọng cho sự phát triển của cá tính hơn bất cứ yếu tố đơn thuần nào khác. Sau đây là một ví dụ:

Bố mẹ và sáu đứa con làm thành một gia đình. Sự cạnh tranh bắt nguồn trong tương quan giữa một người bố thống trị thích văn chương và chính trị, và người mẹ, một mẫu người nội trợ tiêu biểu, thiếu khả năng về xã hội và kiến thức nên thích thống trị mọi việc trong nhà và điều khiển con cái. Đứa con đầu Hồng Liên, con gái được người bố dùng để chống lại người mẹ. Bà mẹ tìm được một đồng minh với đứa gái thứ hai là Hồng Lan. Hồng Liên là một

học sinh tốt, coi thường việc nhà và đối nghịch với mẹ nó. Hồng Lan trái lại là một học sinh trung bình, thích việc nhà và thích những yêu sách của phụ nữ.

Một ít năm sau, hai đứa gái sinh đôi được sinh ra. Vì giống nhau nên chúng cần được mang những quần áo khác nhau để được nhận ra dễ dàng. Trẻ sinh đôi thường có tương quan tâm lý đặc biệt. Chúng giống nhau đến độ khó có thể phân biệt được ngay cả trong cách sống cũng như cá tính và chính điều đó mang lại sự giống nhau lạ lùng trong số phận của chúng. Tuy nhiên, trong trường hợp ở đây có cái gì bất thường xảy ra. Sự cạnh tranh giữa hai người chị tạo nên sự phân rẽ giữa hai đứa trẻ sinh đôi này. Hồng Quyên đứa lớn hơn mười ba phút là đồng minh của Hồng Liên trong khi Hồng Vân lại đứng về phía Hồng Lan. Như một kết quả, Hồng Quyên phát triển giống như chị Hồng Liên thành một đứa học sinh giỏi và dở trong việc gia đình, trong khi Hồng Vân trở thành một học sinh bình thường, giỏi việc nhà và thích ăn diện. Cặp thứ ba là một đứa gái và một đứa trai. Đứa trai là Tuyên không chỉ là đứa lớn trong hai mà còn là trai nên muốn ở thể thượng phong.

Cả gia đình phân làm hai nhóm theo đặc tính, sở thích, và phẩm hạnh. Người bố, Hồng Liên, Hồng Quyên, và cu Tuyên đối nghịch lại người mẹ, Hồng Vân, Hồng Lan, và cô bé út. Tuyên được nâng đỡ bởi người chị cả và ông bố, thách thức uy thế với chị Hồng Lan. Hồng Quyên cố gắng loại bỏ Hồng Vân, không cho nó liên hệ với các cô gái khác. Sự tranh chấp, đưng độ, bất đồng làm khổ cuộc đời của những con người có khả năng và sở thích khác nhau trong cùng một gia đình.

Lm Lê Văn Quảng Psy.D.

VỀ MỤC LỤC

Thinh lặng

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chuyển ngữ: Lm. Minh Anh (Gp. Huế)

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : TÔN GIÁO (tiếp theo)

76. Thinh lặng

Một trong những hiền nhân nổi tiếng nhất của Ấn Độ cổ đại là thầy Svetaketu. Đây là bằng chứng khôn ngoan của ông: Khi chưa đầy bảy tuổi, ông được cha gửi đi học kinh Vệ đà. Nhờ chuyên cần và thông minh, chú bé toả sáng hơn các bạn đồng môn và sau cùng được coi là chuyên gia bậc nhất về bộ kinh Vệ đà – và điều này xảy ra khi cậu mới chỉ xong thời niên thiếu.

Khi cậu về nhà; cha cậu muốn kiểm chứng khả năng của cậu, nên đã hỏi: "Con có học được điều mà nếu học nó, sẽ không cần học gì khác? Con có khám phá ra điều mà nếu khám phá được sẽ không hề đau khổ? Con có nắm bắt được điều mà người ta không thể dạy?"

Cậu Svetaketu đáp, "Thưa cha không".

Cha cậu liền bảo, "Này con, vậy thì những gì con học trong những năm qua quả là vô ích".

Quá ấn tượng trước chân lý về những lời của cha, Svetaketu lập tức ra đi, để ngang qua thình lạng cậu khám phá sự khôn ngoan vốn không thể diễn tả được bằng ngôn từ.

Khi ao hồ khô hạn, cá mú phơi mình trên đất, để chúng ẩm ướt đôi chút thì việc thổi cho chúng một hơi thở hay một bãi nước bọt vẫn không thể thay thế được việc thả chúng vào hồ. Đừng làm cho ai phần chần với những giáo thuyết, hãy ném họ vào thực tại. Vì bí quyết của sự sống được tìm thấy trong chính sự sống, không phải trong những giáo thuyết về sự sống.

§

77. Đọc và áp dụng

Một kẻ đi tìm hỏi Ông đồng Jalal ad-Din ar-Rumi liệu kinh Koran có phải là một cuốn sách hay để đọc không?

Ông trả lời, "Tốt hơn anh nên hỏi chính mình liệu anh có ở trong tình trạng biết tận dụng nó không".

Một nhà thần nghiệm Kitô giáo thường nói về Thánh Kinh rằng, "Dù thực đơn có hữu ích đến đâu, thì nó vẫn không tốt để ăn".

§

78. Kinh độ và vĩ độ

Đứa trẻ trong lớp địa lý: "Lợi ích của kinh độ và vĩ độ là khi bạn đang chìm bạn có thể nói ra mình đang ở kinh độ và vĩ độ nào và họ sẽ tìm thấy bạn".

Bởi vì có một từ cho sự khôn ngoan, nên người ta tưởng tượng mình biết khôn ngoan là gì. Nhưng không ai trở thành một nhà thiên văn từ việc hiểu biết ý nghĩa của từ "thiên văn học".

Bằng cách thổi trên nhiệt kế, bạn làm cho nó ghi nhiệt độ cao hơn, nhưng bạn không làm ấm căn phòng.

§

79. Học đọc

Hằng ngày trong góc một thư viện ở Nhật, người ta thấy một vị thầy cao niên ngồi thiền tĩnh lặng.

"Con không bao giờ thấy thầy tụng kinh", người quản thủ thư viện thưa.

"Tôi không bao giờ học đọc", vị thầy bảo.

"Đó là một điều nhục nhã. Một người như thầy phải biết đọc sách. Thầy cần con dạy không?".

“Ừ, hãy nói cho thầy hay”, thầy chỉ vào mình và bảo, “ý nghĩa của thái độ này?”.

Tại sao thấp đuối khi vắng dương tỏa rạng? Tại sao tưới đất khi trời mưa như trút?

§

80. Mặc khải

Một Guru, lãnh tụ tinh thần của người Hindu, hứa mặc khải cho một học giả hậu quả lớn hơn bất kỳ điều gì được gói gọn trong Kinh Thánh.

Khi học giả hăng hái hỏi điều đó, Guru bảo “Hãy đi ra giữa mưa và ngẩng đầu, giương hai cánh tay lên trời. Điều đó sẽ mang lại cho ông mặc khải đầu tiên”.

Ngày hôm sau, học giả đến trình thuật lại, “Tôi theo lời khuyên của ngài và nước chảy xuống cổ. Và tôi thấy mình như một kẻ gốc hoàn toàn”.

“Tốt”, Guru bảo, “đối với ngày đầu tiên, đó không phải là một mặc khải sao?”.

Nhà thơ Kabir nói:

Nếu học giả mãi mê nghiên cứu những lời hay ho mà con tim mình không ướm đắm tình yêu thì có lợi gì?

Nếu một người theo phái khắc kỷ mặc áo choàng màu nghệ tây nhưng bên trong nhợt nhạt thì có lợi gì?

Nếu bạn cọ rửa thái độ luân lý của mình cho đến khi nó chiếu sáng mà không có âm nhạc bên trong thì có ích chi?

§

(còn tiếp)

VỀ MỤC LỤC

VƯỢT LÊN KHỦNG HOẢNG VÀ TÁI ĐỊNH HƯỚNG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ ƠN GỌI LINH MỤC

BÀN THẢO

ỨNG SINH LINH MỤC HỌC & SỐNG LINH ĐẠO LINH MỤC GIÁO PHẬN

GIÁO TRÌNH TU ĐỨC LỚP THẦN II & III

ĐẠI CHỦNG VIỆN THÁNH GIUSE HÀ NỘI

2011-2012

CHƯƠNG HAI

ỨNG SINH LINH MỤC GIÁO PHẬN

HỌC VƯỢT LÊN KHỦNG HOẢNG VÀ TÁI ĐỊNH HƯỚNG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ ƠN GỌI LINH MỤC

"Nhưng kho tàng ấy, chúng tôi lại chứa đựng trong những bình sành, để chúng tỏ quyền năng phi thường phát xuất từ Thiên Chúa, chứ không phải từ chúng tôi. Chúng tôi bị dồn ép tư bề, nhưng không bị đè bẹp; hoang mang, nhưng không tuyệt vọng; bị ngược đãi, nhưng không bị bỏ rơi; bị quật ngã, nhưng không bị tiêu diệt. Chúng tôi luôn mang nơi thân mình cuộc thương khó của Chúa Giêsu, để sự sống của Chúa Giêsu cũng được biểu lộ nơi thân mình chúng tôi... Quả thật, chúng tôi biết rằng Đấng đã làm cho Chúa Giêsu chỗi dậy cũng sẽ làm cho chúng tôi được chỗi dậy với Chúa Giêsu...cho nên chúng tôi không chán nản. Trái lại, dù con người bên ngoài của chúng tôi có tiêu tan đi, thì con người bên trong của chúng tôi ngày càng đổi mới. Thật vậy, một chút gian tạm thời trong hiện tại sẽ mang lại cho chúng ta cả một khối vinh quang vô tận, tuyệt vời." [325]

A. NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT

Cuộc đời nào cũng có ánh sáng và bóng tối; cũng tương tự khi nói về đời sống và sứ vụ linh mục. Chẳng có *vinh quang* này đến *vinh quang* khác như một số Chủng sinh kỳ vọng trong ngày chịu chức đầu! Người ta thường quan niệm "*càng tu càng đắc đạo*", càng hoàn hảo, nhưng thực tế, ứng sinh cảm nhận và phải khiêm tốn nhìn nhận rằng có nhiều cái nơi bản thân không còn được như thuở ban đầu, khi mới được chính thức nhận vào chủng viện.

Có thể nói mỗi người gặp thấy mình đang từng bước tiến tới những thời khắc quyết định dứt khoát cho trọn cả cuộc đời và sứ vụ ơn gọi của mình qua việc tiến tới chịu chức linh mục. Những người có trách nhiệm và cả cộng đồng Dân Chúa đều để ý xem xét đánh giá ứng sinh có thích hợp để làm linh mục không. Mỗi người lại cũng có những nỗi riêng tư, những đắn đo cân nhắc khác nữa để quyết định. Tuy nhiên, ứng sinh cũng rút ra được những lợi ích là bước sang từng giai đoạn mới cần có những hoạch định mới; những người có "các khủng hoảng" nhìn lại để tái định hướng con đường, còn những người không có hay chưa "có vấn đề" sẽ nhìn thấy trước những gì có thể xảy ra để lên kế hoạch ứng phó hữu hiệu và thành công.

Chúng ta có thể nhận thấy nhiều khi khủng hoảng bắt đầu rất sớm ngay sau khi trở thành linh mục. Và đó là lời cảnh báo cho chủng sinh khi đang tiến dần lên chức linh mục. Đức Tổng Giám Mục Orlando B. Quevedo (Philippines) nhận xét rằng ngay sau khi thụ phong, nhiều linh mục trẻ đã bỏ cầu nguyện, Sách Nhật Tụng, Nguyễn Gẫm, xét mình hàng ngày và lần chuỗi Mân côi. Ngài buồn rầu kết luận: "*linh mục trẻ bỏ cầu nguyện và những sùng kính đạo đức là những cái đã giúp ngài giữ được ơn gọi sống động trong chủng viện, và cũng chính những thứ đó sẽ còn giúp ngài bền đỗ trong chức vụ linh mục khi sống giữa đời.*"

Chúng ta không thể không biết đến tình cảnh này của con người và của Hội Thánh... và cũng không thể khám phá thấy hết được những hình thức khác nhau của cơn "khủng hoảng" mà các linh mục ngày nay đang phải chịu đựng: thiếu vâng lời và khó nghèo, lơ là việc linh hướng và xưng tội (luôn luôn sẵn đó nhưng họ không dùng), không ưu tiên cho đời sống cầu nguyện, thiếu tương quan thân mật với Giám mục và linh mục đoàn, thiếu liên đới và hợp tác làm việc chung, nhưng chỉ thích thi hành sứ vụ cách cá nhân, thiếu tín nhiệm và tin tưởng lẫn nhau, quá tự tin, kiêu căng, lười biếng, có vấn đề về đức trong sạch, thiếu trách nhiệm bản thân trong việc tự đào tạo và phát triển đời sống thiêng liêng. Chúng ta cũng có thể thấy điều đó trong phân tích chẩn đoán của ĐTC Biển Đức XVI về những nguồn cội của cuộc khủng hoảng: *các thủ tục chọn lựa không thích đáng các linh mục tương lai, việc đào tạo không đầy đủ trong nhiều lãnh vực, khuynh hướng ưu đãi hàng giáo sĩ của xã hội và những khuôn mặt quyền bính khác...* [326]

Trong "*Chỉ Nam về sứ vụ và đời sống linh mục 1994*", Bộ Giáo Sĩ cũng mô tả những yếu tố nản lòng này: "*thói quen đơn điệu, căng thẳng thể xác vì quá nhiều việc, mệt mỏi tâm lý gây nên do đấu tranh chống lại hiểu lầm và định kiến.*" Và Bộ đề nghị giải pháp: "*cần phải đưa ra vài lời khuyên cho một chương trình đào tạo thường xuyên thích hợp có thể giúp các linh mục sống ơn gọi của mình cách vui tươi và có trách nhiệm.*" Thật thế, nhiều trường hợp ngay trong bổn phận đầu tiên có thể đã có căng thẳng với cha sở, với môi trường mới, những con người xa lạ chưa hề quen biết, tập quán, văn hóa và lối sống của họ, cùng với cái bất định của đời sống sứ vụ: được sai đến nơi không muốn, ở với người không ưa và làm việc không thích.

Áp lực của công việc, kỳ vọng của dân chúng và Bề Trên lắm khi cũng làm cho linh mục trẻ kiệt quệ. Nhiều việc ngài phải làm mà lúc ở Chủng viện chẳng ai dạy cho cả. Sự cô đơn,

sự thiếu khích lệ và nâng đỡ từ dân chúng, từ Bề Trên và anh em linh mục khiến linh mục trẻ dễ dàng cảm thấy cô độc, chán nản và thất vọng dẫn đến việc đi tìm cảm thông và an ủi. Những yếu đuối bản thân, những giới hạn và vấn đề không được giải quyết thỏa đáng ở trong chủng viện, để rồi sau khi chịu chức xuất hiện mạnh hơn trước kia, vì chúng đã không được trực diện và xử lý cách thích hợp trong những năm đào tạo, vì thiếu linh hướng thích hợp hay một lối lãnh đạo ỨC CHẾ khiến chịu đựng “*nín thở qua sông*” hay “*giả đại qua ải*” để rồi nay như “*chim sổ lồng*.”

Trong một tình huống như vậy, vị linh mục trẻ cảm thấy đơn độc hơn khi còn ở trong chủng viện, và khó tìm được một vị linh hướng thích hợp hay một linh mục bạn tin cần để có thể cởi mở trọn vẹn với. Tất cả những gì bị dồn nén trong quá khứ bấy giờ nổ tung ra. Và xem ra chẳng ai thấu hiểu, trợ lực, giúp đỡ... về phía đáng phải có; trái lại từ phía khác vẫn có ai đó thấu hiểu, cảm thông, giúp đỡ... và thường là một bàn tay mềm mại, một tiếng nói dịu dàng, một tâm hồn mẫn cảm và quảng đại, một ý muốn ân cần sẻ chia... để rồi lắm khi vấn đề và rắc rối bắt đầu từ chỗ đó: khi buồn phiền, cô đơn, thường người ta dễ sa ngã về tình cảm giới tính.

Là linh mục, trong năng thể hay trong hiện thể, chúng ta chỉ có thể giải quyết được các xung đột nội tâm này khi đặt Chúa Giêsu làm trung tâm cuộc sống, tình cảm và hoạt động của chúng ta, đồng thời sống mật thiết với Chúa Giêsu, để Ngài được lớn lên trong chúng ta và chúng ta nhỏ đi trong Ngài; hay nói cách khác để con người trần tục trong chúng ta nhỏ dần đi và con người thiêng liêng được lớn dần lên mãi trong mọi mối tương quan nhân loại của chúng ta. Bởi vì trước khi nói về Chúa Giêsu và mang Chúa Giêsu đến cho người khác, linh mục phải ở thật mật thiết nên một với Chúa Giêsu, có Chúa Giêsu, nói với Chúa Giêsu và lắng nghe Chúa Giêsu, như thánh Phaolô nói: “*Tôi sống, nhưng không còn là tôi nữa, mà chính Chúa Kitô sống trong tôi.*”

Vì thế, sau tuần tĩnh tâm Mùa Chay năm 2010 với đề tài “*Thiên Chúa và Hội Thánh dạy về ơn gọi linh mục*”, ĐTC Biển Đức XVI kêu gọi phải tái khám phá sứ vụ linh mục, và Ngài nói: “*Tự bản thân con người là không hoàn hảo, con người cần phải có tương giao. Tư duy của con người không thể phản ánh được mọi thực tại. Con người cần phải lắng nghe, lắng nghe người khác, đặc biệt là Người Khác - với chữ Khác viết hoa - tức Thiên Chúa. Chỉ như vậy, con người mới có thể nhận biết chính mình, mới trở thành chính mình.*”^[327]

Cần có sự “*lắng nghe để hiểu, nhìn lại để thương,*” về cả hai phía, nhất là về phía có thẩm quyền. Các Hội Nghị về ơn gọi luôn kêu mời các thẩm quyền và ban đào tạo xem xét lại cách thức đào tạo của mình, cũng như các ứng sinh phải ý thức tự đào tạo chính mình, làm sao cho đôi bên cùng nhau tích cực hợp tác với ơn Chúa mới đạt được kết quả mong muốn.

B. LỜI CHÚA MỜI GỌI VƯỢT LÊN KHỦNG HOẢNG VÀ TÁI ĐỊNH HƯỚNG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ ƠN GỌI

Thiên Chúa luôn đổi mới lời mời gọi của Ngài qua từng biến cố của cuộc sống, thì chúng ta cũng phải đổi mới lời đáp trả của mình sao cho phù hợp với từng lời mời gọi mới đó của Chúa. Lời Chúa nói với 7 giáo đoàn trong sách Khải Huyền chương 2 và 3 mời gọi chúng ta, là những linh mục hiện thể hay năng thể, xem xét lại căn tính của mình:

• Với Ê-phê-xô:

Ta biết các việc người làm, nổi vất vả và lòng kiên nhẫn của người; Ta biết người không thể chịu đựng kẻ ác... Người có lòng kiên nhẫn và đã chịu khổ vì danh Ta mà không mệt mỏi. Nhưng Ta trách người điều này: người đã để mất tình yêu thuở ban đầu. Vậy hãy nhớ lại xem người đã từ đâu rơi xuống, hãy hối cải và làm những việc người đã làm thuở ban đầu. Bằng không, Ta sẽ đến với người, và Ta sẽ đem cây đèn của người ra khỏi chỗ của nó, nếu người không hối cải.

• Với Xi-miéc-na:

Ta biết nỗi gian truân, và cảnh nghèo khó của người... Đừng sợ các nỗi đau khổ người sắp phải chịu: này ma quỷ sắp tống một số người trong các người vào ngục để thử thách các người; các người sẽ phải lâm cảnh gian truân... Hãy trung thành cho đến chết, và Ta sẽ ban cho người triều thiên sự sống.

• Với Péc-ga-mô:

Ta biết người ở đâu: ở nơi đặt ngai của Xa-tan. Nhưng người gắn bó với danh Ta và không chối bỏ lòng tin vào Ta... Vậy hãy hối cải; bằng không, Ta đến với người ngay tức khắc và sẽ dùng lưỡi gươm từ miệng Ta mà giao chiến...

• Với Thy-a-ti-ra:

Ta biết các việc người làm, biết đức ái, đức tin, công việc phục vụ và lòng kiên nhẫn của người; Ta cũng biết rằng những việc của người bây giờ thì nhiều hơn trước kia. Nhưng Ta trách người điều này... Tất cả các Hội Thánh sẽ biết rằng Ta là Đấng dò thấu lòng dạ, và Ta sẽ tùy theo việc các người làm mà thưởng phạt mỗi người. Nhưng cái gì các người đang có, hãy nắm chắc cho tới khi Ta đến.

• Với Xác-đê:

Ta biết các việc người làm, biết người được tiếng là đang sống, mà thực ra đã chết. Hãy tỉnh thức! Hãy củng cố chút sức còn lại đang suy tàn, vì Ta nhận thấy các việc của người không được hoàn hảo trước mặt Thiên Chúa của Ta. Vậy hãy nhớ lại: người đã lãnh nhận và nghe Lời Chúa thế nào; hãy tuân giữ và hối cải! Vậy nếu người không tỉnh thức, thì Ta sẽ đến như kẻ trộm, người chẳng biết giờ nào Ta sẽ đến bắt chợt người.

• Với Phi-la-đen-phi-a:

Ta biết các việc người làm: này Ta để một cửa mở trước mặt người, không ai có thể đóng lại được, bởi vì tuy người ít thể lực, người cũng đã giữ lời Ta và đã không chối bỏ danh Ta... Vì người đã giữ lời Ta dạy phải kiên nhẫn chịu đựng, nên Ta cũng giữ gìn người cho khỏi giờ thử thách sắp xảy đến trên toàn cõi địa cầu để thử thách những người sống trên mặt đất. Chẳng bao lâu nữa Ta sẽ đến; cái gì người đang có, hãy nắm chắc, đừng để ai lấy mất triều thiên dành cho người.

• Với Lao-đi-ki-a:

Ta biết các việc người làm: người chẳng lạnh mà cũng chẳng nóng. Phải chi người lạnh hẳn hay nóng hẳn đi! Nhưng vì người hâm hấp, chẳng nóng chẳng lạnh, nên Ta sắp mưa người ra khỏi miệng Ta... Phần Ta, mọi kẻ Ta yêu mến, thì Ta răn bảo dạy dỗ. Vậy hãy nhiệt thành và hối cải ăn năn! Này đây Ta đứng trước cửa và gõ. Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào nhà người ấy, sẽ dùng bữa với người ấy, và người ấy sẽ dùng bữa với Ta.

Chúa không chỉ khiển trách những người sai lỗi, mà Ngài còn khiển trách nặng hơn những người giữ gìn nghiêm nhặt lề luật nhưng tự mãn với chính mình và coi khinh kẻ khác. Linh mục được chọn lên từ giữa loài người và vẫn không thôi là con người nên cần phải khiêm tốn trong khi phụng sự Thiên Chúa và đưa dẫn con người đến với Thiên Chúa bằng cách phục vụ họ, như Chúa Giêsu đến không phải để được hầu hạ nhưng để phục vụ và hiến ban mạng sống cho loài người được cứu độ.

Linh mục phải luôn ý thức tình trạng được “biệt ra”, được chọn lên từ giữa loài người để sống giữa thế gian nhưng không thuộc về thế gian mà là thuộc về Thiên Chúa, với sứ mệnh tiếp tục công việc của Chúa Kitô, đồng thời làm cho Ngài được nhận biết và yêu mến, qua các công việc rao giảng Tin Mừng, giáo huấn, cử hành Thánh lễ và các bí tích chữa lành tâm hồn, hoạt động bác ái và công lý, dưới sự hướng dẫn và tác động của ơn Chúa Thánh Thần, nghĩa là trong ba chức năng của sứ vụ của linh mục là rao giảng, thánh hóa và lãnh đạo Dân Chúa. Hãy luôn nhớ lời căn dặn của thánh Gioan Tông đồ thánh sử: *“Anh em phải coi chừng để khỏi đánh mất những gì anh em đã làm được, nhưng để lãnh được đầy đủ phần thưởng.”* [\[328\]](#)

(còn tiếp)

[chú thích](#)

[\[325\]](#) 2 Cr 4,7-11. 16-17.

[\[326\]](#) x. Thư của Đức Bênêđictô XVI gửi người Công Giáo Ái Nhĩ Lan trong VietCatholic News ngày 21/3/2010.

[327] Trích Bản tin tổng hợp ngày 28/2/2010 của trang điện tử HÐGMVN.

[328] 2 Ga 1, 8.

VỀ MỤC LỤC

LÒNG NHÂN ÁI CỦA THẦY THUỐC NGUYỄN Ý ĐỨC

Tập thể của chúng ta ngày càng có thêm rất nhiều bác sĩ y khoa. Những người chọn ngành này là những người ôm ấp, đeo đuổi lý tưởng phục vụ đồng bào, phục vụ tha nhân. Hoặc dùng cụm từ quen thuộc là lý tưởng “Cứu nhân độ thế.”

Cộng đồng của chúng ta ở quê người cũng có khá nhiều bác sĩ y khoa xứng đáng với thiên chức “Lương y như từ mẫu.”

Nhưng vì công việc đa đoan, hay vì không có nhiều thì giờ cho nên tới hôm nay, chúng ta không có nhiều bác sĩ y khoa dành thời gian để viết về những gì liên quan tới các chứng bệnh từ thông thường tới nan y. Như một thứ cấm nang phòng ngừa...Để mỗi gia đình có thể lưu giữ trong nhà, bên cạnh những tủ thuốc phải có.

Tôi thăm hỏi một bác sĩ y khoa, một người hiện hành nghề “Cứu nhân độ thế” thỉnh thoảng cũng nhín chút thời gian quý báu để viết xuống những giải thích, lưu ý về những căn bệnh thông thường mà chúng ta thường gặp. Vị này cho hay, viết lách không phải là nghề của ông...như các nhà báo hay nhà văn...Vì thế mỗi khi muốn viết một bài thuộc loại “bệnh thường thức,” ông đã mất từ 4 tới 5 tiếng đồng hồ. Chưa kể số giờ dành cho việc truy cứu tài liệu, hầu có thể lấy những con số thống kê chính xác và mới nhất.

Vị bác sĩ y khoa này nói đùa với tôi rằng, với 5, 6 tiếng để hoàn tất một bài viết lưu ý độc giả về bệnh này, bệnh kia xuất hiện theo mùa, hay hậu quả của sự ăn uống, thiếu vận động cơ thể dài lâu...có thể đưa tới những hậu quả nào đó, về phương diện sức khỏe... là một việc làm khá “gay go” đối với ông.

Vị bác sĩ này nhấn mạnh:

“Mục đích của tôi khi bỏ thì giờ viết một bài gì đó về các loại bệnh thường thức, có tính chất phòng ngừa, không hề vì nhu cầu tiền nhuận bút. Bởi vì với số thời gian tôi bỏ ra để viết bài, tôi khám được biết bao bệnh nhân. Và, dĩ nhiên, số tiền tôi kiếm được cũng sẽ rất nhiều lần, hơn tiền nhuận bút mà một tờ báo có thể trả tôi. Tóm lại, tôi viết chỉ vì muốn viết. Chỉ vì muốn phục vụ nhiều người cùng một lúc. Nó khác hơn việc tôi khám bệnh, chỉ hữu ích cho một người. Một bệnh nhân mà thôi...”

Lời nói thật hay tâm sự của người bạn bác sĩ y khoa vừa kể, khiến tôi liên tưởng ngay tới một bác sĩ y khoa, mà tên tuổi của ông từ nhiều năm qua, đã trở thành quen thuộc với cộng đồng Việt của chúng ta ở khắp nơi trên thế giới. Luôn cả đồng bào ở Việt Nam. Đó là bác sĩ Nguyễn Ý Đức.

Tôi không biết khi đặt tên cho con mình là Nguyễn Ý Đức, đấng sinh thành ra người con trai sau này trở thành một bác sĩ y khoa từ đầu thập niên 1960 ở Saigon đã nghĩ gì? Muốn gửi gắm điều gì cho đứa con yêu quý của mình? Nhưng căn cứ vào sự theo dõi hành trình “cứu nhân độ thế” của mình, tôi thấy ông không chỉ là một bác sĩ y khoa xứng đáng với cụm từ “Lương y như từ mẫu,” mà cái “đức” dường như luôn là một trong những “ý” thức hàng đầu của ông.

Hơn thế nữa, dù công việc bề bộn, dù thì giờ dành riêng cho cá nhân và cho gia đình mình không được bao nhiêu, vậy mà ông vẫn cặm cụi viết liên tục từ mấy chục năm qua...

Những bài viết có tính cách “y khoa thường thức” hay “y khoa phòng ngừa” của ông, tôi thấy chúng xuất hiện thường xuyên hàng tuần, hàng tháng trên rất nhiều mặt báo, cũng như trên rất nhiều trang mạng Việt ngữ của chúng ta.

Điểm đặc biệt của ngòi bút mang tên Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, không chỉ là tính chính xác

với những tài liệu được cập nhật, và những chỉ dẫn chi tiết về nguyên nhân căn bệnh, cách phòng ngừa bệnh...Mà những bài viết của ông, theo tôi còn có tính cách thủ thỉ như một nhà văn kể chuyện đời thường (The Story Teller.) Ông cũng luôn cho thấy tính chất dịu dàng, nhỏ nhẹ trong các bài viết của mình, như thể ông đang nói chuyện, hay đồ dành một người bạn ngang chướng mà ông yêu quý, quan tâm.

Tôi cũng rất thích, và tôi cho là vô cùng đặc biệt khi ông đem được vào trong hàng chục cuốn sách thuộc loại "y khoa phòng ngừa" của ông, phần văn học quá khứ. Đó là những bài học ngụ ý sâu sắc. Đồng thời, ông cũng cho người đọc cơ hội được sống lại những kỷ niệm của một thời vang bóng.

Như trước khi mời độc giả bước vào tác phẩm "Cẩm nang sức khỏe cao niên," ông đã trích dẫn "Quốc Văn Giáo Khoa Thư" như sau:

"Một ông thầy thuốc già, chữa bệnh giỏi có tiếng. Phải khi ông ốm nặng, các học trò đến châu chực thuốc thang bên cạnh ông. Ông cố gượng nói rằng: 'Lão biết mình đã đến ngày tận số rồi nhưng lão có nhắm mắt cũng cam lòng, vì lão có để lại ba thầy thuốc rất hay.' Ông nói tới đây, nhọc quá phải nghỉ. Các thầy thuốc học trò thấy ông nói thế, đều lắng nghe, ai cũng nghĩ bụng trong ba người ấy thế nào chả có tên mình. Ông nghỉ một lúc rồi lại nói: 'Trong ba thầy thuốc ấy thì hay nhất là thầy Sạch Sẻ, thứ nhì là thầy Điều Độ, thứ ba là thầy Thể Thao. Sau khi lão mất rồi, nếu các anh biết theo ba thầy ấy mà chữa cho người ta, thì thiên hạ khỏi được bao nhiêu là bệnh tật.'..."

Đoạn trích dẫn ở trên, tự thân đã cho thấy tính chất... "ý" và "đức" trong con người thầy thuốc Nguyễn Ý Đức.

Khi đang viết bài này, tình cờ chúng tôi lại được đọc một bài viết có tính cách báo động cho tất cả chúng ta về sự trở lại "Vi khuẩn West Nile," của bác sĩ Nguyễn Ý Đức.

Mở đầu bài viết về "Vi khuẩn West Nile," người bác sĩ họ Nguyễn của chúng ta viết:

"Ngày 1 tháng Tám vừa qua, Bộ Y tế tiểu bang Texas đã đưa ra lời báo động cho dân chúng là phải đề phòng bệnh do vi khuẩn West Nile gây ra. Theo bộ này, kể từ đầu năm cho tới cuối tháng Bảy, đã có 111 trường hợp bệnh với một tử vong ở miền Bắc Texas, đặc biệt là tại các quận hạt Dallas, Collin, Tarrant và Denton. Cơ quan y khoa phòng ngừa đang ráo riết phun thuốc diệt trừ muỗi tại một số vùng có nhiều muỗi để phòng ngừa bệnh dịch (...)

"...Bệnh thường xuất hiện khi thời tiết nóng ẩm và thường thấy ở miền Đông Bắc Louisiana, miền Trung và Nam California, các vùng phụ cận Dallas, Houston, Chicago và Phoenix..."

Sau đó, tác giả đi vào phần nguồn gốc bệnh. Cách truyền bệnh. Những rủi ro đưa tới nhiễm vi khuẩn West Nile. Có thuốc chủng ngừa chưa? Phòng ngừa bệnh. Cách dùng thuốc đuổi muỗi...

Nghĩa là tác giả không để một chút thiếu sót nào trong bài viết của mình, khiến độc giả phải hoang mang vì không có câu trả lời.

Tôi muốn kết luận bài viết này của mình, bằng một câu nói bình thường thôi, nhưng không thể chân tình hơn trước những đóng góp ý nghĩa của bác sĩ Nguyễn Ý Đức cho đời sống này là:

"Cảm ơn người thầy thuốc của tôi. Và, cũng xin được cảm ơn đấng sinh thành ra ông. Dù các đấng sinh thành này, còn tại thế hay đã qua đời."

Du Tử Lê,

(Aug. 31. 2012.)

Nhà Văn Du Tử Lê

[VỀ MỤC LỤC](#)

Tác Phẩm: Đạo vào đời

Gs. Nguyễn Đăng Trúc

Định Hướng Tùng Thư -2012

Chương IV

Giáo hội công giáo và nhân quyền (tiếp theo)

2/ Những mối căng thẳng giữa giáo hội công giáo và xã hội dân sự về nhân quyền

Hệ quả của Cách Mạng Pháp đi kèm với Bản tuyên ngôn 1789 là sự căng thẳng liên tục đạo đời về quan điểm nhân quyền. Đôi bên, giáo hội công giáo và các trào lưu tân kỳ chi phối xã hội, không những cố thủ lập trường của mình mà có khuynh hướng đi quá xa. Phía Cách Mạng xem kitô hữu và giáo hội công giáo đương thời là thành phần ngoan cố của chế độ cũ, bảo thủ và phản động, và lập tức vi phạm ngay điều mà Bản Tuyên Ngôn đề xướng : quá nhiều chém giết huynh đệ tương tàn, loại trừ tự do tư tưởng bằng bạo lực hoặc bằng các phương thức gián tiếp tinh vi, hạn chế tự do hành đạo...; phía giáo hội công giáo lúc bấy giờ chưa có thể quan niệm được sự phân cách giữa trách nhiệm dân sự và những giới hạn của phận vụ tôn giáo (chưa thể quan niệm được sứ mệnh đặc loại của mình và quyền uy xã hội dân sự) nên đã đi vào đường lối phản đối tiêu cực và thu mình vào thái độ thụ động, lên án :

'Các biện pháp bài tôn giáo của Cách Mạng diễn tiến tuần tự, sự kiện có thể chứng minh được qua lập trường e dè của Giáo hoàng Piô VI; Ngài chần chừ một thời gian dài trước khi lên án Bản Tuyên Ngôn năm 1789 trong Cơ mật hội ngày 19.3.1790; và sau đó là "Qui chế dân sự của giới giáo sĩ '. Rõ rệt hơn nữa trong Tông thư ngày 10.3.1791 Quod Aliquantum: Ngài ' không nhằm cổ súy việc tái lập lại chế độ cũ của nước Pháp'...

Tuy vậy, chính trong bức thư đó lại có những thành ngữ rất mạnh như « các quyền kỳ quặc » hoặc « quyền ảo tưởng » khi nói về các loại tự do mới. Những loại tự do như thế sẽ cho chúng ta cứ điểm để thấy nội dung của sự tranh chấp giữa giáo hội và xã hội tân thời.^[1]

Đến đầu thế kỷ này, Dom Besse tóm kết cho ta thấy tại sao về giáo hội công giáo vẫn e dè đứng ngoài, nếu không nói là ngờ vực chống đỡ những trào lưu nhân quyền dân sự.

'Chúng là lời tuyên xưng, là điều răn của chủ nghĩa duy nhiên và chủ nghĩa tự do. Ta tìm thấy trong ấy tất cả những đường nét của các hệ thống này: quyền Thiên Chúa, im lặng không nói đến quyền của Chúa, cứu cánh con người quy hết vào hạnh phúc trần thế, độc lập không lệ thuộc gì vào mọi quyền bính, bình đẳng giữa mọi người, mọi ý kiến có giá trị như nhau (...). Phương cách duy nhất để có cơ may thành công chống lại chủ trương cứu độ con người như thế, là phải luôn mãi trở về với ý niệm Thiên Chúa, vai trò của Ngài nơi trần thế và các quyền của Ngài'.^[2]

Nhưng bên cạnh những cách biệt đạo đời đó, giáo hội công giáo tìm ra được nhiều phương cách thực thi đức bác ái của mình. Giáo hội công giáo không nhân danh nhân quyền với âm hưởng là thoát ly khỏi tôn giáo, nhưng đã can đảm dẫn thân phục vụ con người và ưu tiên đồng hành với người yếu thế, thăng tiến cuộc sống của họ trong nhiều lãnh vực: các dòng tu chuyên về giáo dục con em nghèo, săn sóc bệnh nhân, các hội từ thiện, các văn kiện giáo hội bênh vực giới thợ thuyền và tôn vinh giá trị lao động (TĐ Rerum Novarum của GH Lêô XIII)... Và hơn nữa nhiều Kitô hữu đã dẫn thân ngay vào các tổ chức nhân quyền, hợp tác với những người không cùng quan điểm tôn giáo vượt lên trên những hậu ý lẩn lút thiếu căn cơ.

Về phía xã hội dân sự, tuy còn ái ngại về yếu tố tôn giáo trong cuộc sống dân sự, người ta thấy được sự hiện diện tôn giáo, đặc biệt là công giáo không còn là mối đe dọa quyền lực, cũng như thực tế xã hội cho thấy Kitô hữu thật sự là tác nhân thực thi nhân quyền cụ thể và hữu hiệu, những nội dung 'cách mạng theo nghĩa là bài xích tôn giáo' phối pha lẫn để trở thành những nội dung tích cực và ít nặng về ý hệ tự do cá nhân triệt để.

3/ Gặp gỡ đạo-đời về nhân quyền

Ngày nay không ai có thể phủ nhận giáo hội công giáo trong mọi mặt là chiến sĩ ở tuyến đầu đấu tranh cho nhân quyền. **Biến cố làm rung chuyển giáo hội công giáo**, - từ thái độ chống đối đến lập trường cổ vũ tới mức độ đã đưa nội dung nhân quyền vào giáo huấn như một yêu sách thực thi Tin Mừng, - **biến cố đó là Công Đồng Vaticanô II**. Khai mở cho tinh thần đổi tạo đạo-đời, GH Gioan XXIII trong thông điệp *Pacem in Terris* đã nêu lên những chỉ dẫn tích cực :

'Cũng thế, ta không thể đồng hóa những lý thuyết triết học sai trái về vũ trụ tự nhiên, về nguồn gốc và cứu cánh của thế giới và của con người, với những phong trào thực hiện trong lịch sử được thành lập nhằm mục tiêu kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc chính trị, mặc dù các phong trào này đã phát sinh, và còn chịu ảnh hưởng bởi các lý thuyết ấy. Một lý thuyết, một khi đã định hình và được viết ra, thì không thay đổi nữa, trong lúc các phong trào, vì có đối tượng là những hoàn cảnh cụ thể và đổi thay của cuộc sống, nên không thể nào không chịu ảnh hưởng một cách rộng rãi về biến chuyển này. Ngoài ra, trong trường hợp các phong trào này đồng ý với các nguyên lý tốt lành của lý trí và đáp ứng được những khát vọng chính đáng của con người, ai có thể từ chối mà không nhìn nhận nơi các phong trào ấy có những yếu tố tích cực và đáng hoan nghênh [3].

Và các nội dung của nhân quyền được đưa vào giáo huấn, vào bản văn minh định lẽ lối sinh hoạt của giáo hội giữa trần thế; qua Hiến Chế *Gaudium et Spes* chúng ta có thể nêu lên vài nội dung chính yếu như sau :

' (...) Con người ngày càng ý thức hơn phẩm giá cao cả của mình vượt lên trên mọi vật; các quyền lợi và bổn phận của nó có tính cách phổ quát và không thể vi phạm. Vì thế cần phải đem lại cho con người có được tất cả những gì thiết yếu để sống một cuộc sống thật sự xứng đáng là người, như: của ăn, quần áo, nhà ở, quyền tự do chọn lựa bậc sống và quyền lập gia đình, quyền được giáo dục, quyền làm việc, được bảo vệ thanh danh, được kính trọng, được thông tin đúng đắn, quyền hành động theo luật ngay chính của lương tâm, quyền bảo vệ đời sống riêng tư và có được tự do chính đáng, kể cả trong lãnh vực tôn giáo (26, 2).'

'Mọi hình thức kỳ thị liên quan đến các quyền căn bản của con người, dù dựa trên phái tính, chủng tộc, màu da, điều kiện xã hội, ngôn ngữ hoặc tôn giáo, đều phải vượt qua và bãi bỏ, như là trái với ý định của Thiên Chúa (29, 2). Vì thế Giáo hội, dựa vào Phúc âm đã ủy thác cho mình, tuyên dương các quyền của con người, nhìn nhận và đánh giá cao năng động của thời đại hiện đang cổ vũ những quyền ấy khắp nơi...Chúng ta dễ gặp cảm dỗ cho rằng các quyền con người chúng ta có thể duy trì trọn vẹn một khi tước bỏ hết lề luật của Chúa' (GS 41, 3).

Tiếp theo Công Đồng Vaticanô II, các vị giáo hoàng, các hội đồng giám mục liên tục lên tiếng kêu gọi không những tín đồ của mình mà cổ vũ mọi người, mọi giới thực thi nhân quyền. Giáo triều Roma đã không những phản ứng trước những vi phạm nhân quyền gia trọng trước mắt, mà còn nêu lên từng đề mục với những đề nghị cụ thể nhằm giúp thăng tiến và phát triển con người trong công lý, đặc biệt cho các khối dân cư nghèo khổ: chẳng hạn về nhà cửa cho người nghèo, đất đai cho người canh tác, giải trừ nợ nần cho các nước chậm phát triển... Chỉ trong một vài thập niên sinh hoạt tích cực cho nhân quyền, đặc biệt là về phát triển và hòa bình, giáo triều Vatican không những được xem là tổ chức có uy thế để can thiệp trong vấn đề nhân quyền, mà được xã hội xem việc can thiệp cho nhân quyền là phận vụ riêng của giáo hội công giáo phải chu toàn trong sinh hoạt cộng đồng thế giới.

Về phía tổ chức, một Ủy Ban Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình và sau đã nâng cấp thành một Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình, được thành lập để đặc trách việc cổ vũ và

thực thi nhân quyền, phổ biến giáo huấn xã hội công giáo. Ở cấp bậc quốc gia và đôi khi ở cấp giáo phận, các ủy ban liên hệ cũng được khai sinh và sinh hoạt đồng hành với các tổ chức nhân quyền địa phương.

Ngoài việc thừa nhận thiện ích của nhân quyền, soi sáng ý nghĩa sâu xa và toàn bích của ý niệm này trong khuôn khổ mạc khải của Tin Mừng, không những giáo hội công giáo đã dẫn thân thực thi tích cực mà còn tạo nên một phong thái riêng trong việc thực thi nhân quyền :

a/ Tin thần tự kiểm, thống hối và canh tân

"Ít nhất cũng phải nhớ rằng trước đây nhiều thời kỳ Giáo hội không tôn trọng điều mà ngày nay chúng ta gọi là nhân quyền; chỉ cần nghĩ đến những điều tai ác kéo dài nhân danh Kitô giáo qua nhiều thế kỷ do một số các cuộc Thánh chiến, do Pháp đình thời Trung cổ, chiến tranh tôn giáo, chưa kể đến những yếu tố Kitô giáo để tạo ra những xung đột kỳ thị chủng tộc hoặc bài Do Thái. Nhiều người bên ngoài tôn giáo thực sự đã đi trước Kitô hữu trong nỗ lực bảo vệ nhân quyền (như Liên minh bảo vệ nhân quyền, một thời gian lâu được xem là đồng nghĩa với chủ trương chống giáo quyền), nên Kitô hữu cần khiêm tốn đóng góp vào lãnh vực này, tránh huênh hoang. Nhất là, sự tín nhiệm cần phục hồi trong việc bảo vệ nhân quyền một cách thành tâm đòi hỏi chúng ta phải đại độ đến nỗi không có một hậu ý nào"[4].

Không phải vì đã trực tiếp tham gia vào tội ác, không phải vì đã thịnh lặng hay giữ thái độ tiêu cực trước vi phạm nhân quyền chống lại bất cứ ai (vốn là đã tiếp tay vi phạm) hoặc vì đã không hết mình tạo điều kiện cho mọi người được phát triển nhân cách của mình mà thôi, nhưng như Đức Kitô đã gánh tội nhân loại thế nào, thì cộng đồng Kitô hữu cũng liên đới chịu trách nhiệm về tội ác của bất cứ ai trong cộng đồng nhân loại vi phạm. Ngoài ra, giáo hội trên bình diện là tập thể những con người, đã từng phạm lỗi, và hơn bất cứ ai, giáo hội đó cần phải thú tội để mãi canh tân. Giáo hội công giáo không phải không biết nhận lỗi như báo chí hay lặp đi lặp lại, nhưng có lẽ vì đã dám làm và làm nhiều lần, nhiều dịp, từ cấp giáo hoàng đến các hàng giám mục vùng, quốc gia, giới trí thức cũng như thành phần dẫn thân cho nhân quyền...đến độ có thể gây ấn tượng tiêu cực một cách vô cớ theo sự thường xã hội là đàng khác.

b/ Thực hiện nơi chính mình : Nhân quyền trong giáo hội

Hẳn nhiên, ai cũng hiểu rằng không ai cho cái mình không có. Giáo hội công giáo cổ võ Nhân quyền hữu hiệu nhất khi cho thấy tự nơi cuộc sống giáo hội của mình, từ vị giáo hoàng đến người tín hữu bình thường nhất, tất cả xem nhau là huynh đệ trong Đức Kitô chứ không phải là kẻ nắm quyền và người bị trị. Mẫu mực đó là mẫu mực hoàn thành thời chung mãn. Giáo hội ngày nay vẫn là giáo hội lữ hành với bao bất cập và nhiều hy vọng vươn lên. Nhưng trên bình diện xã hội, thế giới chưa bao giờ chứng kiến một cuộc đổi thay nhanh chóng về canh tân nếp sống cho hợp với những tiêu chuẩn nhân quyền lý tưởng nơi các cộng đồng chính trị hay tôn giáo, hơn là cộng đồng công giáo từ sau Công Đồng Vaticanô II.

Không thể kể ra một cách chi tiết tất cả các đổi thay, nhưng một cách chung người tín hữu ở bất cứ cương vị nào cũng không thấy mình bị một quyền lực giáo hội trên đầu trên cổ như một áp lực hay một đe dọa nào đó. Các chức sắc giáo hội càng ngày càng tự cảm thấy mình có bốn phận phục vụ cộng đồng hơn là 'ông quan lớn nắm trong tay chìa khóa nước trời'; phía tín hữu bình thường, đã quen với lối giao tiếp dân chủ với các chức sắc dân sự, nay tiếp cận với các vị trong hàng giáo phẩm hay giáo sĩ như những 'thừa tác viên' hơn là một đẳng bậc. Người tín hữu có quyền đòi hỏi chức sắc giáo hội chu toàn phận vụ cộng đồng để thỏa mãn một nhu cầu tôn giáo của mình, chẳng hạn như có quyền được chuẩn bị hôn nhân công giáo, có quyền đòi linh mục giải tội theo luật giáo hội mà đôi đường phải tuân giữ (không khác đòi hỏi bác sĩ chữa bệnh hay nhà chức trách hành chánh làm giấy tờ cho mình), chứ không cảm nhận như phải xin xỏ một ân huệ của cá nhân nào ban cho. Hơn thế nữa người ta cảm thấy có quyền và bốn phận lên tiếng trong giáo hội. Mặc dầu đây đó từ nhiều cấp độ khác nhau, ở các địa phương khác nhau còn có những đánh giá tiêu cực về việc lên tiếng của cá nhân hay một nhóm tín hữu để biểu lộ quan điểm của mình hay đòi hỏi một vị hay một cơ quan giáo hội làm sáng tỏ một vấn đề. Nhưng việc lên tiếng đã trở thành quen thuộc và dần dần được đánh giá là sự kiện hiển nhiên trong cuộc sống bình thường của giáo hội công giáo...

c/ Nhân chứng đức tin

Người tín hữu công giáo vẫn tiếc rằng đáng lý ra tổ chức giáo hội công giáo phải đi trước xã hội dân sự trong cách đối xử huynh đệ với nhau, tại sao đạo phải đi sau xã hội dân sự trong cách đối xử theo đường lối dân chủ trong những sinh hoạt điều hành và tổ chức? Nếu giáo hội công giáo đã từng áp dụng lối tổ chức và điều hành của đế quốc La Mã, tại sao ngày nay lại ngại ngùng trước lối dân chủ tân thời? Hẳn nhiên không thể rập khuôn theo thể chế dân chủ trong bất cứ sinh hoạt nào của giáo hội vì những lý do mạc khải và thần học, nhưng phải nhận một thực trạng này: người tín hữu chờ đợi nhiều cải cách làm sao để công việc chung của giáo hội không phải là ưu lo riêng, phận vụ riêng của một giới, một bậc sống mà của mọi tín hữu. Và không phải trong nguyên tắc nhưng trong thực tế áp dụng với những điều kiện thực hiện được.

Giáo hội công giáo trong tinh thần tự kiểm và canh tân không tìm cách biện minh, nhưng không vì một số những vấn đề cần canh tân liên tục của mình mà quên đi sứ mạng nói lên Sự Thật, vốn không phát xuất từ 'những con người', nhưng từ Thiên Chúa mà giáo hội tuyên xưng đức tin^[5].

Như giáo hội đã từng lưu ý về mối liên hệ không thể phân ly giữa mến Chúa và yêu người, việc cổ võ Nhân quyền của giáo hội không có nghĩa là tôn vinh tự do, tự chủ cá nhân bất chấp đạo lý (nghĩa là các mối tương thuộc với Thiên Chúa và tha nhân). Trong khung cảnh văn hóa tân thời với tự do được hiểu là làm theo trí năng tự mãn theo lối nói của Fr. Nietzsche : « cái gì có thể làm được đều được phép làm », giáo hội lại thấy mình có lúc cần phải đi ngược trào lưu thế tục để bảo vệ nhân phẩm và nhân quyền đích thực. Lập trường của giáo huấn về sự sống, về tương quan chân lý và tự do, về chiều kích đạo lý và giới hạn của sinh học, về phẩm giá đích thực của người phụ nữ, số phận thai nhi, ý nghĩa và giá trị gia đình và tính dục.. thường gây phẫn uất trong nhiều giới tự nhân là tiến bộ. Ngay trong nội bộ công giáo người ta cũng lên tiếng dựa trên nhiều tiêu chuẩn khác nhau, với nhiều lối đánh giá, xếp loại tiến bộ, bảo thủ này khác. Quyền phát biểu là một nội dung nhân quyền, tuy nhiên chúng ta biết rằng: nếu thiên hạ ai ưa gì làm đó thì đâu cần đến mặc khải Chân Lý đến từ trời cao !

4/ Nhân quyền và giáo hội Việt Nam

'Bây giờ không phải lúc đọc diễn văn hoặc lặp đi lặp lại không ngừng trên môi miệng các quyền của con người, nhưng bây giờ là lúc cần khiêm tốn thực tập, thi hành mỗi ngày và không bao giờ dứt.'^[6]

Trên đây là nhận định của Hồng Y Roger Etchegaray trong lời tựa cho tập tài liệu Nhân Quyền và Giáo Hội do Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý Hòa Bình mà lúc đó ngài là vị chủ tịch đương thời, xuất bản năm 1990. Người ta đã nói đến nhân quyền rất nhiều và các tài liệu không thiếu. Những phần trình bày ở các mục trên đây chỉ nhằm qui chiếu vào hoàn cảnh kitô hữu Việt Nam chúng ta trong phận vụ sống và làm chứng Tin Mừng cho người bên cạnh, đặc biệt là đồng bào chúng ta.

Với Công Đồng Vaticanô II, chúng ta không có quyền biện minh cách này hay cách khác để đi ngược lại giáo huấn và sự hiệp thông giáo hội khi nói rằng cổ võ và thực thi nhân quyền là một thái độ tùy nghi. Giáo huấn liên tục nhắc nhở cho mỗi tín hữu, cho từng cộng đoàn, mỗi trách nhiệm trong giáo hội rằng sống đạo trọn nghĩa, trưởng thành, trách nhiệm, trung tín với lời mời gọi của Thiên Chúa là phải liên kết chặt chẽ giữa mến Chúa và yêu người. Giáo hội và Công Đồng không tự suy diễn ra, nhưng nhắc lại lời dạy rõ ràng của Chúa Kitô được ghi chép trong Phúc Âm. **Cổ võ và thực thi nhân quyền là phương cách yêu người cụ thể, là một nghĩa vụ của người đã chịu phép rửa.**

Chúng ta đều biết rằng dù không nói đến chữ nhân quyền, dù không cổ võ nhân quyền theo phương cách của các quốc gia và giáo hội tây phương, nhưng ngày ngày biết bao kitô hữu Việt Nam đã âm thầm hy sinh mình để thăng tiến cuộc sống cho người cạnh mình, giúp tha nhân sống phát huy phẩm giá mình. Nhưng kể ra như thế và dừng lại đó để mặc ngày tháng trôi qua xem như xã hội đã quá tốt đẹp, hoặc lấy cớ tây phương và chúng ta hai nền

văn hóa khác nhau, đó và đây có những hoàn cảnh xã hội hoàn toàn trái nghịch, để dặm chân tại chỗ đến độ xem như cổ võ cho nhân quyền chỉ là thái độ điên rồ vô lối, một sở trường của giới làm chính trị nào đó, thì có lẽ đến lúc phải kiểm điểm tâm thức sống đạo của mình.

Nhưng giáo hội công giáo Việt Nam là ai ? Và ai có tư cách để cổ võ nhân quyền ?

Tâm thức chúng ta phải chăng còn cho rằng giáo hội là hàng giáo phẩm, các giáo sĩ tu sĩ mà thôi nên mãi ngồi chờ các ngài cổ võ và thực thi nhân quyền thay cho mình ? Không phải giáo huấn giáo hội đã chỉ dẫn rằng giáo dân phải ở tuyến đầu để dẫn thân vào các lãnh vực trần thế hay sao? Nhưng mặt khác, hàng giáo phẩm có biểu lộ (chưa nói đến nghĩa vụ giáo huấn và thực hiện trước như giáo triều Roma và các giám mục các nơi đã thường xuyên thực hiện) cho tín đồ của mình xác tín rằng việc cổ võ và thực thi nhân quyền, bất cứ ở cương vị hay thân phận nào, là sống đạo hay không?

Nếu xã hội dân sự Việt Nam đã từng chịu cơn rúng động về đổi thay tâm thức và canh tân lối cư xử ăn khớp với những đòi hỏi của nhân quyền qua các trào lưu cải cách thời tiền chiến, đặc biệt của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, thì phía cộng đồng các tôn giáo Việt Nam, trong đó có công giáo, dường như chưa hề biết đến những nỗ lực đổi thay và canh tân nội bộ như thế. Hẳn nhiên ảnh hưởng xã hội, các giáo huấn giáo hội và hình thức nghi lễ thấm nhập một phần nào đó và cải biến tâm thức của hàng giáo sĩ cũng như giáo dân, nhưng ý chí chung muốn có những cải cách có phương pháp, qui mô và phổ biến thì thú thực chưa ai nghĩ đến. Người giáo dân, không ai ép uống để làm thánh hay thụ động đứng xa hoặc không dám nhắc đến việc điều hành cộng đồng, nhưng quyền hạn đó họ cam nhận như là thuộc bề trên là thành phần giáo sĩ. Nhân danh sự tôn trọng bậc bề trên là một giá trị văn hóa tôn giáo và truyền thống Á Đông mình, nhân danh sự kiến hiệu nhất thời (khỏi phải bị hạch sách thêm rắc rối !), cộng đồng chúng ta bằng lòng với mẫu mực đặt đâu ngồi đó, âm thầm trở thành con chiên ngoan ngoãn, vô tình nếp an bình giả tạo ấy đánh mất **quyền tham gia của tín hữu một cách tích cực** vào sinh hoạt của giáo hội.

Trong nỗ lực cổ võ nhân quyền một cách vị tha đúng theo tinh thần Phúc âm, không phải chỉ đấu tranh cho quyền lợi của giáo hội mình và hạn chế trong sinh hoạt phụng tự của cộng đồng mình; nhưng cảm nhận những khó khăn oan ức của người cạnh mình, lên tiếng để công lý được thực hiện cho bất cứ người nào, đoàn thể, tổ chức, sinh hoạt nào, khi quyền tự do của họ bị vi phạm. Trong ý hướng và nội dung nhân quyền như thế, thì chúng ta thành thực nhận rằng trên bình diện tổ chức cộng đồng chưa có nhiều những cử chỉ quảng đại, can đảm để lo cho kẻ khác mình.

Thay lời kết

Ngày nào còn con người thì còn có những tương quan khó khăn gây ra nhiều vi phạm chà đạp phẩm giá con người ; những kẻ bị xúc phạm đến phẩm giá của mình, hơn ai hết, họ phải là ưu tư hàng đầu của người tin vào tình yêu Thiên Chúa nơi Đức Kitô. Họ là những người nghèo mà giáo hội phải phục vụ chứ không chỉ là người nghèo đói vật chất mà thôi. Chúng ta không thể « bất nhân » khi muốn thực hiện nước Trời. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam, một xã hội mà không ai dám nói là nhân quyền được tôn trọng, thì thờ ơ hay tránh né cổ võ và thực thi nhân quyền làm sao có thể biện minh được khi mình được Đức Kitô mời gọi làm nhân chứng của yêu thương. Và cũng trong bối cảnh xã hội Việt Nam như thế, việc nêu lên nhận xét cho rằng phận vụ dẫn thân cho nhân quyền là thiếu hiểu biết, xa xỉ hoặc tùy nghi, thì việc làm đó đáng đặt cho lương tri người công giáo Việt Nam thách đố tự kiểm.

Và để kết luận chúng tôi xin chép lại lời của Walter Kasper khi vị này trình bày về nền tảng thần học của nhân quyền^[7]:

' Đức Giáo hoàng Phaolô VI từng nói: giáo hội là chuyên gia về các vấn đề nhân tính^[8] Từ tước vị đầy vinh dự đó, giáo hội phải là một gương sáng về công lý^[9]. Những tương quan giữa các tín hữu, giữa các thừa tác vụ khác nhau và tín hữu, giữa quyền giáo huấn của giáo hội và các nhà thần học, trong giáo hội, cần có được một bầu khí tự do, khoan dung và tin cậy nhau. Giáo hội phải là một giáo hội với khuôn mặt nhân đạo. Nên, việc phục vụ mà giáo hội có thể thực hiện cho nhân quyền không phải chỉ bằng lời huấn dụ, dù quan trọng đến thế

nào đi nữa, nhưng cũng bằng gương sáng công việc làm của mình. Giáo hội có bốn phận phải biện minh, giải thích, bảo vệ nhân phẩm và nhân quyền không chỉ bằng lời nói, nhưng hơn nữa còn phải bằng hành động và cuộc sống của mình. Hơn ai hết, giáo hội không được làm cho thế giới chúng ta ngày nay phải thất vọng về nỗi khao khát công lý và ước muốn sôi nổi tìm về nhân tính của mình.'

Tài liệu tham khảo

Các tài liệu công đồng Vaticanô II đặc biệt chương hai của Hiến chế vui mừng và hy vọng (*Gaudium et Spes*) và Tuyên ngôn về tự do tôn giáo (*Dignitatis Humanae*)

Các văn kiện quan trọng liên quan đến cuộc sống xã hội của các Giáo Hoàng Piô VI (*Thư Quod aliquantum, thông điệp Adeo Nota*), Piô VII (*Tông Thư Post Tam Diuturnas*), Grêgôriô XVI (*Thông điệp Mirari Vos*), Piô IX (*Thông điệp Nostis et Nobiscum* và *Quanta Cura*), Lêô XIII (*Immortale Dei, Sapientiae Christianae, Libertas* và nhất là *Rerum Novarum*), Piô XI (*TĐ Divini Redemptoris*), Piô XII (*Sứ điệp truyền thanh ngày Noel 1944*), Gioan XXIII (*TĐ Pacem In Terris*), Phaolô VI (*TĐ Populorum Progressio, Tông Thư Octogesima Adveniens*), Gioan Phaolô II (*TĐ Sollicitudo Rei Socialis**, *Tông Thư Tertio Millennio Adveniente*..*)

Tài liệu của Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 1971 về 'Công Lý trên Thế giới'

Các tài liệu của Văn Phòng và sau đó là Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý Hòa Bình :

- L'Eglise et les droits de l'homme (Documents de travail N- 1, 1975)
- La Liberté Religieuse (Textes de Jean-Paul II, présentés par le père Roger Heckel)
- Pourquoi et comment l'Eglise intervient en matière socio-politique (Textes de Les droits de l'homme (Textes de Jean-Paul II, présentés par Dr Giorgio Filibeck)
- Les droits de l'homme et l'Eglise* (Réflexions historiques et théologiques), 1988
- Jean-Paul I I, présentés par le père Roger Heckel)
- La liberté religieuse et l'Acte final d'Helsinki, Jean-Paul II
- Le droit au développement (Textes conciliaires et pontificaux -1960-1990-, présentés par Dr Giorgio Filibeck)
- Nouveau regard sur la doctrine sociale de l'Eglise* par Hervé Carrier, S.J.
- Cardinal Roger Etchegaray, l'Eglise face au racisme, Ed. du Centurion, Paris 1989
- N. Singh, L'Asie et les droits de l'homme, in K. Vasak, Les dimensions internationales des droits de l'homme, Unesco, Paris 1978
- Groupe d'auteurs, Droits de l'homme défi pour la charité? éd. SOS, Paris 1983
- Dom Besse, L'Eglise et les libertés, Paris 1913
- G. Thils, Droits de l'homme et perspectives chrétiennes, Louvain-la-Neuve 1981
- M. Villey, Le droit et les droits de l'homme, Puf, Paris 1983
- The international Bill of Human Rights (Luật quốc tế Nhân quyền) luật sư Nguyễn Hữu Thống phiên dịch và diễn giải, Mạng lưới Nhân quyền Việt Nam ấn hành, 1998

* Đã được Định Hướng Tùng Thư dịch ra Việt ngữ và xuất bản

[1] Rev **Joseph Joblin** SJ SD tr 50

[2] **Dom Besse**, *l'Eglise et les libetés*, Paris, 1913, 122-126

[3] TĐ *Pacem in terris*, phần 159-313 SD-53-54

[4] **J.M. Aubert** *Eglise et Droits de l'homme*, in *Droits de l'homme défi pour la Charité* SoS xb Paris 1983, tr 165-166

[5] Xem TĐ *Hào Quang Chân Lý* của GH Gioan Phaolô II

[6] **Roger Etchegaray**, *Lời tựa SD*

[7] **Walter Kasper** SD tr 104

[8] Đức **Phaolô VI**, *Sứ điệp gửi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc* (.10.1965) AAS LVII (1965), 8,78.

[9] Đức **Gioan Phaolô II** *Aux membres de la Sacra Romana Rota* (17.2.1979); AAS LXXI (1979), 422 (trích trong O. Hoffe e.a [Edit], Johannes Paul II (chú thích 49, 113 tiếp theo).

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sửu USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C

